**BÀI 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ HAI CỰC I AN TA**

**Câu 1.** Nguyên thủ những nước nào sau đây tham dự Hội nghị Ianta (2/1945)?

A. Anh, Pháp, Mĩ.

B. Anh, Mĩ, Liên Xô.

C. Anh, Pháp, Đức.

D. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc.

**Câu 2.** Một trong những nội dung quan trọng của Hội nghị Ianta là:

A. đàm phán, kí kết các hiệp ước với các nước phát xít bại trận.

B. thỏa thuận việc giải giáp phát xít Nhật ở Đông Dương.

C. thỏa thuận phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

D. các nước phát xít Đức, Italia kí văn kiện đầu hàng phe Đồng minh.

**Câu 3.** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945), khu vực nào dưới đây thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô?

A. Đông Âu

B. Tây Âu

C. Đông Nam Á

D. Tây Đức

**Câu 4.** Hội nghị Ianta (2/1945) đã họp ở đâu?

A. Anh         B. Pháp

C. Thụy Sĩ         D. Liên Xô

**Câu 5.** Những quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945) có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Mở đầu cho cuộc Chiến tranh lạnh giữa Mĩ và Liên Xô.

B. Đánh dấu sự hình thành một trật tự thế giới mới sau chiến tranh.

C. Trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới sau chiến tranh.

D. Đánh dấu sự xác lập vai trò thống trị thế giới của chủ nghĩa đế quốc Mĩ.

**Câu 6.** Có bao nhiêu quốc gia tham gia sáng lập tổ chức Liên hợp quốc?

A. 35.         B. 48.         C. 50.         D. 55

**Câu 7.** Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua tại Hội nghị nào ?

A. Hội nghị Ianta (1945).

B. Hội nghị Xan Phranxixcô (1946).

C. Hội nghị Pốtxđam (1946).

D. Hội nghị Pari (1973).

**Câu 8.** Cơ quan nào của Liên hợp quốc có sự tham gia của đầy đủ tất cả các thành viên, họp mỗi năm một lần để bàn bạc thảo luận các vấn đề liên quan đến Hiến chương của Liên hợp quốc?

A. Ban thư kí.

B. Hội đồng bảo an.

C. Hội đồng quản thác quốc tế.

D. Đại hội đồng.

**Câu 9.** Nguyên tắc nhất trí giữa năm nước lớn trong tổ chức Liên hợp quốc được đề ra vào thời điểm nào ?

A. Tại Hội nghị Tê-hê-ran (1943).

B. Tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô (Tháng 4 - 6/1945).

C. Tại Hội nghị I-an-ta (tháng 2/1945).

D. Tại Hội nghị Pốt-xđam (tháng 7/1945).

**Câu 10.** Nguyên thủ của các nước tham gia Hội nghị I-an-ta là

A. Rudơven, Clêmăngxô, Sớcsin.

B. Aixenhao, Xtalin, Clêmăngxô.

C. Aixenhao, Xtalin, Sớcsin.

D. Rudơven, Xtalin, Sớcsin.

**Câu 11.** Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có bao nhiêu nước thành viên ?

A. 15 thành viên         B. 5 thành viên

C. 20 thành viên         D. 10 thành viên

**Câu 12.** Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên thứ mấy của Liên hợp quốc?

A. Thành viên thứ 148.

B. Thành viên thứ 146.

C. Thành viên thứ 149.

D. Thành viên thứ 147.

**Câu 13.** Sự tham gia của Liên Xô trong ban thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã

A. làm cho xu thế hòa bình trở nên phổ biến sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. góp phần hạn chế sự thao túng của chủ nghĩa tư bản đối với Liên hợp quốc.

C. khẳng định vai trò tối cao của chủ nghĩa xã hội trong tổ chức Liên hợp quốc.

D. xoa dịu mâu thuẫn giữa khối tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 14.** Theo quyết định của Hội nghị Ianta, quân đội của những nước nào sẽ làm nhiệm vụ giải giáp chủ nghĩa phát xít tại nước Đức?

A. Anh, Pháp, Liên Xô, Mĩ.

B. Anh, Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ.

C. Mĩ, Liên Xô, Canada, Pháp.

D. Mĩ, Pháp, Anh, Canada.

**Câu 15.** Sự hình thành nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức (9/1949) là :

A. kết quả của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của người dân Đức.

B. sự thoả thuận của Anh, Mĩ, Liên Xô tại Hội nghị I-an-ta.

C. âm mưu của các nước Anh, Pháp, Mĩ nhằm xây dựng một tiền đồn chống chủ nghĩa xã hội ở châu Âu.

D. hậu quả của những chính sách phản động mà chủ nghĩa phát xít đã thi hành ở đất nước này.

**Câu 16:** Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Được thiết lập trên cơ sở các nước tư bản thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.

B. Là trật tự thế giới hoàn toàn do chủ nghĩa tư bản thao túng.

C. Có sự phân tuyến triệt để giữa hai phe: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

D. Được thiết lập trên cơ sở các nước thắng trận cùng nhau hợp tác để thống trị, bóc lột các nước bại trận và các dân tộc thuộc địa.

**Câu 17:** Theo thỏa thuận của Hội nghị Pốtxđam (1945), các nước tham gia giải giáp phát xít Nhật ở Đông Dương là

A. Anh và Pháp.

B. Mĩ và Liên Xô.

C. Trung Hoa Dân quốc và Anh.

D. Trung Hoa Dân quốc và Liên Xô.

**Câu 18:** Theo thỏa thuận của Hội nghị Pốtxđam (1945), quân đội nước nào tiến hành giải giáp phát xít Nhật vào phía Nam vĩ tuyến 16 ở Đông Dương?

A. Anh        B. Pháp        C. Liên Xô        D. Mĩ

**Câu 19:** Theo thỏa thuận của Hội nghị Pốtxđam (1945), quân đội nước nào tiến hành giải giáp phát xít Nhật ở phía Bắc vĩ tuyến 16 ở Đông Dương?

A. Pháp.

B. Trung Hoa Dân quốc.

C. Anh.

D. Mĩ.

**Câu 20:** Trật tự thế giới mới được hình thành ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. trật tự hai cực Ianta.

B. trật tự thế giới đơn cực.

C. trật tự thế giới đa cực.

D. trật tự Véc-xai Oa-sinh-tơn.

**Câu 21:** Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh từ ngày 4 đến ngày 11-2-1945 được tổ chức tại đâu?

A. Oa-sinh-tơn (Mĩ).

B. I-an-ta (Liên Xô).

C. Pôt-xđam (Đức).

D. Luân Đôn (Anh).

**Câu 22:** Một trong những quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945) là

A. sử dụng bom nguyên từ để tiêu diệt phát xít Nhật.

B. khắc phục hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật.

D. phân chia lực lượng giải giáp phát xít Nhật ở Đông Dương.

**Câu 23:** Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh thống nhất thành lập Liên hợp Quốc tại Hội nghị nào?

A. Hội nghị Ianta - Liên Xô (2 - 1945).

B. Hội nghị Xan Phranxixcô - Mĩ (4 - 6 - 1945).

C. Hội nghị Pốtxđam - Đức (7 - 8 -1945).

D. Hội nghị Têhêran - Iran (2 - 1943).

**Câu 24:** Duy trì hòa bình và an ninh thế giới là nhiệm vụ chính của

A. Liên minh châu Âu

B. Hội nghị I-an-ta.

C. tổ chức ASEAN.

D. Liên hợp quốc.

**Câu 25:** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945), Nhật Bản thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Mĩ.

B. Anh.

C. Trung Quốc.

D. Liên Xô.

**Câu 26:** Hội nghị Pốtxđam (7 – 8/1945) được triệu tập ở đâu?

A. Liên Xô.

B. Mĩ.

C. Đức.

D. Anh.

**Câu 27:** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945), khu vực nào dưới đây thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ?

A. Nam Triều Tiên.

B. Đông Âu.

C. Đông Đức.

D. Bắc Triều Tiên.

**Câu 28:** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945), hai quốc gia nào ở châu Âu trở thành những nước trung lập?

A. Pháp và Áo.

B. Anh và Đức.

C. Áo và Phần Lan.

D. Bỉ và Đức.

**Câu 29 :**Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945), Trung Quốc cần trở thành một quốc gia

A. độc lập và tự do.

B. thống nhất và dân chủ.

C. tự trị và dân chủ.

D. độc lập và thống nhất.

**Câu 30:** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945), quân đội những nước nào sẽ chiếm đóng bán đảo Triều Tiên?

A. Anh và Pháp.

B. Trung Hoa Dân quốc và Anh.

C. Liên Xô và Mĩ.

D. Mĩ và Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 31.** Nội dung nào sau đây **không** phải là quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945)?

A. Thành lập tòa án quốc tế Nuyrambe để xét xử tội phạm chiến tranh.

B. Thống nhất mục tiêu tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

C. Thống nhất về việc thành lập tổ chức Liên Hợp quốc.

D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

**Câu 32.** Tổ chức nào sau đây **không** thuộc Liên hợp quốc?

A. UNICEF.

B. WHO.

C. NATO.

D. UNESCO.

**Câu 33.** Trụ sở của tổ chức Liên Hợp quốc được đặt ở đâu?

A. NewYork

B. Washington

C. California

D. Boston

**Câu 34.** Nguyên tắc cơ bản nhất chỉ đạo hoạt động của Liên Hợp quốc

A. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước

B. không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào

C. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc

D. chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc)

**Câu 35.** Vai trò trọng yếu của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là

A. giải quyết thỏa đáng các vấn đề về kinh tế - xã hội.

B. tăng cường quan hệ hợp tác giữa các nước.

C. giải quyết mọi công việc của Đại hội đồng.

D. chịu trách nhiệm chính về duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

**Câu 36.** Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực từ khi nào?

A. 24 – 11 – 1945

B. 24 -10 – 1945

C. 25 – 4 – 1945

D. 26 – 6 – 1945

**Câu 37.** Việt Nam lần đầu tiên được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an vào nhiệm kỳ nào?

A. 2008-2009.

B. 2007 – 2008

C. 2009 – 2010

D. 2006 – 2007

**Câu 38.** Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Ianta (2/1945) là:

A. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật.

B. thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hòa bình thế giới.

C. phân chia phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận.

D. giải quyết các hậu quả chiến tranh, phân chia chiến lợi phẩm.

**Câu 39.** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945), vùng Đông Đức, Đông Âu, miền Bắc Triều Tiên thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Mĩ     B. Liên Xô     C. Pháp     D. Anh

**Câu 40.** Theo nguyên tắc nhất trí của 5 nước Ủy viên thường trực, một quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc chắc chắn được thông qua khi

A. chỉ có ít nước bỏ phiếu chống phản đối.

B. không có nước nào bỏ phiếu chống phản đối.

C. không có nước nào bỏ phiếu phản đối.

D. phần lớn các nước bỏ phiếu thuận phản đối.

**Câu 41.** Một trong những điều kiện để Liên Xô tham chiến chống Nhật theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945) là

A. Mĩ và các nước Đồng minh phải ký cam kết không tấn công Liên Xô

B. khôi phục quyền lợi của nước Nga bị mất do cuộc chiến tranh Nga – Nhật 1904 – 1905

C. phân chia vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô

D. Liên Xô được toàn quyền chiếm đóng nước Đức

**Câu 42.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng vấn đề cấp bách đặt ra đối với các cường quốc Đồng minh khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc?

A. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.

B. Giải quyết hậu quả chiến tranh thế giới để lại.

C. Phân chia thành quả giữa các nước thắng trận.

D. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

**Câu 43.** Việt Nam đã vận dụng nguyên tắc nào sau đây của Liên Hợp Quốc để giải quyết vấn đề Biển Đông?

A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

B. Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa năm nước lớn.

C. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

D. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia dân tộc.

**Câu 44.** Hiến chương Liên hợp quốc quy định bộ máy của tổ chức này gồm bao nhiêu cơ quan chính?

A. Bốn cơ quan.

B. Năm cơ quan.

C. Sáu cơ quan.

D. Bảy cơ quan.

**Câu 45.** Để tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản và nhanh chóng kết thúc chiến tranh trong thời gian từ 2 đến 3 tháng sau khi đánh bại phát xít Đức. Hội nghị Ianta (2 – 1945) quyết định

A. Anh và Liên Xô tiêu diệt lực lượng phát xít Nhật ở Trung Quốc.

B. Liên Xô không được tham chiến ở châu Á.

C. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.

D. Mĩ sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.

**Câu 46.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của Liên hợp quốc?

A. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

B. Hoạt định chính sách phát triển văn hóa cho mỗi quốc gia.

C. Giải quyết các vụ tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế.

**Câu 47.** Nội dung nào **không** phản ánh mục đích hoạt động của Liên hợp quốc?

A. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia.

C. Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các nước.

D. Tiến hành hợp tác quốc tế trên cơ sở bình đẳng và tự quyết.

**Câu 48.** Nhiệm kì của các nước ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là

A. 2 năm

B. 3 năm

C. 4 năm

D. 5 năm

**Câu 49.** Các quốc gia trên thế giới tổ chức hội nghị thành lập Liên hợp quốc khi

A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

B. Chiến tranh thế giới thứ hai chưa diễn ra.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc.

D. Chiến tranh thế giới thứ hai.

**Câu 50.** Tổ chức có vai trò duy trì hòa bình thế giới sau Chiến tranh Thế giới thứ hai là

A. Hội Quốc liên.

B. UNESCO.

C. Liên hợp quốc.

D. NATO.

**Câu 51.** Trật tự hai cực Ianta có điểm gì tương đồng so với trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhtơn?

A. Làm bùng nổ một cuộc chiến tranh thế giới mới.

B. Làm gia tăng mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

C. Có sự phân chia giữa khối tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

D. Được hình thành từ thỏa thuận của các cường quốc thắng trận.

**Câu 52.** Trật tự hai cực Ianta có điểm gì khác biệt so với trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai – Oasinhtơn?

A. Được hình thành sau chiến tranh thế giới.

B. Đem lại lợi ích cho các cường quốc thắng trận.

C. Hình thành thông qua thỏa thuận giữa các cường quốc thắng trận.

D. Có sự đối lập giữa hai hệ tư tưởng tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 53.** So với Hội Quốc Liên, Liên hợp quốc có điểm gì tiến bộ về vai trò và tổ chức?

A. Diễn ra cuộc đối đầu gay gắt giữa hai phe trong nội bộ tổ chức Liên hợp quốc.

B. Mang tính toàn diện, tất cả các nước không phân biệt lớn nhỏ có thể tham gia.

C. Tác động đến sự sụp đổ Chiến tranh lạnh, hình thành xu thế thế giới mới.

D. Củng cố hơn vai trò của Liên Xô trong phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

**Câu 54.** Đâu là điểm hạn chế từ những quyết định của Hội nghị Ianta sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Chưa thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế.

B. Chỉ phục vụ lợi ích của các cường quốc thắng trận.

C. Quá khắc nghiệt với các nước thua trận.

D. Dẫn tới cuộc Chiến tranh lạnh giữa Mĩ và Liên Xô.

**Câu 55.** Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?

A. Bình đẳng chủ quyền và quyền tự quyết của các dân tộc.

B. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

D Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia.

**Câu 56.** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2/1945), Việt Nam thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Anh.

B. Mĩ.

C. Liên Xô.

D. Pháp.

**Câu 57.** Theo quyết định của hội nghị Ianta (2/1945), Liên Xô **không** đóng quân tại khu vực nào?

A. Đông Đức.

B. Bắc Triều Tiên.

C. Đông Âu.

D. Nam Á.

**Câu 58.** Trong Hiến chương Liên hợp quốc, việc phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc dựa trên cơ sở nào?

A. Tôn trọng tôn chỉ, tư tưởng của mỗi dân tộc.

B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của mỗi quốc gia.

C. Tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

D. Tôn trọng chế độ, tư tưởng, văn hóa đa dạng của các dân tộc.

**Câu 59.** Liên hợp Quốc hoạt động theo nguyên tắc chủ yếu nhằm mục đích

A. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

B. tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước.

C. phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

D. mục đích của Hiến chương đã nêu rõ.

**--------------------------------**

**BÀI 2. LIÊN XÔ (1945-1991) VÀ LIÊN BANG NGA (1991-2000)**

**Câu 1.** Kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế sau chiến tranh ở Liên Xô diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

A. 1945 – 1949.        B. 1946- 1950.

C. 1947-1951.       D. 1945- 1951.

**Câu 2.**Những thành tựu của kế hoạch khôi phục kinh tế sau chiến tranh ở Liên Xô (1945 - 1950) là

A. sản lượng công nghiệp và nông nghiệp năm 1950 đạt mức sản lượng năm 1940.

B. sản lượng nông nghiệp, công nghiệp đều vượt mức sản lượng năm 1940.

C. sản lượng công nghiệp tăng 73%, nông nghiệp đạt mức trước chiến tranh.

D. sản lượng công nghiệp và nông nghiệp đều tăng 73%.

**Câu 3.** Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào thời gian nào?

A. Năm 1948.       B. Năm 1949.

C. Năm 1950.       D. Năm 1947.

**Câu 4.** Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa gì ?

A. Khẳng định vai trò to lớn của Liên Xô đối cách mạng thế giới.

B. Đưa thế giới bước vào thời đại chiến tranh hạt nhân.

C. Thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ bị phá vỡ.

D. Khiến Liên Xô trở thành nước đầu tiên sở hữu vũ khí nguyên tử.

**Câu 5.** Nội dung nào phản ánh đúng vị trí của kinh tế Liên Xô trong nền kinh tế thế giới từ những năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

A. Liên Xô là siêu cường kinh tế duy nhất.

B. Liên Xô là cường quốc công nghiệp thứ hai ở châu Âu.

C. Liên Xô là cường quốc công nghiệp thứ hai trên thế giới.

D. Liên Xô là một nước có nền nông nghiệp hiện đại nhất thế giới.

**Câu 6.** Vào năm 1957, Liên Xô đã

A. đưa con người bay vòng quanh Trái Đất.      B. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

C. chế tạo thành công bom nguyên tử.       D. đứng đầu thế giới về sản lượng công nghiệp.

**Câu 7.** Một trong những thành công của Liên Xô trong hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1950 - những năm 70) là :

A. trở thành nước đi đầu trong ngành công nghiệp vũ trụ.

B. trở thành nước tiên phong trong cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp.

C. trở thành quốc gia hàng đầu thế giới về vũ khí sinh học.

D. trở thành quốc gia có thu nhập bình quân đầu người cao nhất châu Âu.

**Câu 8.** Yuri Ga-ga-rin là ai ?

A. Là người đầu tiên thám hiểm Mặt Trăng.

B. Là nhà du hành vũ trụ đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất

C. Là người đầu tiên thám hiểm sao Hỏa.

D. Là người đã thiết kế - chế tạo thành công vệ tinh nhân tạo Spút-ních.

**Câu 9.**Sau hơn 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô đã đạt được thành tựu lớn trong lĩnh vực giáo dục là?

A. Hoàn thành phổ cập giáo dục Tiểu học.

B. Bắt đầu thực hiện phổ cập giáo dục Trung học trong cả nước.

C. Trở thành một trong những nước có mặt bằng dân trí cao nhất thế giới.

D. Là nước đào tạo được một đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật hùng hậu nhất thế giới.

**Câu 10.**Thuận lợi lớn của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. các nước tư bản dỡ bỏ cấm vận, bao vây.

B. vị thế, uy tín của được nâng cao trên thế giới.

C. trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng thế giới.

D. Liên bang Xô Viết được mở rộng, số thành viên tăng lên 15 nước.

**Câu 11.**Trong những năm 1946 – 1950, nhân dân Liên Xô đã

**A.** tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế.

B. tiến hành xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

C. tiến hành công cuộc cải tổ đất nước.

D. tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

**Câu 12.**Kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 – 1950) ở Liên Xô đã hoàn thành trước thời hạn

A. 7 tháng.

B. 8 tháng.

C. 9 tháng.

D. 10 tháng.

**Câu 13.** Chiến tranh thế giới thứ hai đã gây thiệt hại như thế nào đối với Liên Xô?

A. Làm 25 triệu người chết.       B. Làm 26 triệu người chết.

C. Làm 27 triệu người chết.       D. Làm 28 triệu người chết.

**Câu 14.**Trong giai đoạn 1945 – 1950, Liên Xô đạt được thành tựu nào sau đây?

A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. Trở thành cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới.

C. Là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

D. Đưa con người bay vòng quanh Trái Đất.

**Câu 15.** Từ năm 1950 đến những năm 1970, nhân dân Liên Xô đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

A. Chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít.

B. Tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế.

C. Xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

D. Cải tổ đất nước theo con đường cộng sản chủ nghĩa.

**Câu 16.** Công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1950 đến những năm 1970 được thực hiện bởi

A. các kế hoạch ngắn hạn.

B. các kế hoạch dài hạn.

C. sự giúp đỡ của các nước đồng minh.

D. sự viện trợ của Mĩ.

**Câu 17.** Từ năm 1950 đến những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đi đầu thế giới trong những ngành nào?

A. Công nghiệp nặng, nông nghiệp.

B. Tài chính, thương mại.

C. Công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng.

D. Công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.

**Câu 18.** Từ năm 1950 đến những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ mấy trên thế giới?

A. Thứ nhất.             B. Thứ hai.

C. Thứ ba.             D. Thứ tư.

**Câu 19.**Sự kiện mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người là

A. Liên Xô chế tạo thành công động cơ phản lực (1949).    B. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957).

C. Liên Xô phóng tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái Đất (1961).      D. Liên Xô xây dựng trạm vệ tinh ngoài Trái Đất (1972).

**Câu 20.**Thành tựu về mặt xã hội của Liên Xô trong khoảng 20 năm xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1950 – nửa đầu những năm 70) là

A. tỉ lệ công nhân chiếm hơn 50 % người lao động trong cả nước.

B. trở thành quốc gia có nền giáo dục tiên tiến nhất thế giới.

C. trình độ học vấn của người dân cao nhất thế giới.

D. tỉ lệ nông dân chiếm 90 % dân số trong cả nước.

**Câu 21.** Chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. hòa bình, trung lập.

B. chi phối đồng minh.

C. ngăn cản phong trào giải phóng dân tộc.

D. bảo vệ hòa bình thế giới.

**Câu 22.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Khống chế, chi phối các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

B. Thực hiện chính sách ngoại giao nước lớn.

C. Thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình thế giới.

D. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 23.** Một trong những nguyên nhân khiến Liên Xô có thể nhanh chóng khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. sự giúp đỡ của các nước xã hội của Mĩ.

B. sự viện trợ của Mĩ và các nước tư bản.

C. tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân.

D. sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế.

**Câu 24.** Một trong những nguyên nhân khiến Liên Xô có thể thực hiện chính sách ngoại giao nước lớn sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. tiềm lực về kinh tế và quốc phòng.

B. sự giúp đỡ của các nước đồng minh.

C. sự suy yếu của Mĩ và các nước tư bản.

D. sự viện trợ của tổ chức Liên hợp quốc.

**Câu 25.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949)?

A. Phá thế độc quyền về vũ khí nguyên tử của Mĩ.

B. Làm đảo lộn hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mĩ.

C. Chứng tỏ sự phát triển vượt bậc của nền khoa học – kĩ thuật Xô viết.

D. Tạo ra thế cân bằng về vũ khí nguyên tử giữa Mĩ và Liên Xô.

**Câu 26.** Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể khi nào?

A. Trước khi Chiến tranh lạnh chấm dứt.

B. Trước khi Chiến tranh lạnh bắt đầu.

C. Sau khi Putin lên làm Tổng thống Liên bang Nga.

D. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ.

**Câu 27.** Nguyên nhân chủ quan khiến chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô là

A. sự chống phá của các thế lực thù địch bên ngoài.

B. sự mất đoàn kết trong khối xã hội chủ nghĩa.

C. chính sách bao vây, cấm vận của Mĩ.

D. gặp nhiều sai lầm khi cải tổ đất nước.

**Câu 28.** Nguyên nhân khách quan dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là

A. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí.

B. thiếu dân chủ và công bằng trong xã hội.

C. cơ chế quản lí tập trung quan liêu bao cấp.

D. sự chống phá của Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa.

**Câu 29.**Nguyên nhân chủ quan khiến chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Đông Âu là

A. rập khuôn máy móc mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

B. sự bao vây và chống phá của các nước tư bản Tây Âu.

C. chính sách phá hoạt của các thế lực thù địch trong nước.

D. sự mất đoàn kết trong khối xã hội chủ nghĩa.

**Câu 30.**Sai lầm lớn nhất của Liên Xô trong quá trình thực hiện cải tổ đất nước là

A. thực hiện kinh tế thị trường.

B. thực hiện đa nguyên chính trị.

C. thực hiện dân chủ hoá đời sống chính trị.

D. thực hiện kinh tế bao cấp trong một thời gian dài.

**Câu 31.** Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là

A. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

B. tập trung cải cách chính trị.

C. thừa nhận chế độ đa nguyên đa đảng.

D. duy trì nền kinh tế bao cấp.

**Câu 32.** Từ sự sụp đổ của Liên bang Xô Viết năm 1991, em có nhận thức gì về công cuộc cải tổ đất nước ở Liên Xô ?

A. Cải tổ đất nước là sai lầm lớn, đưa đất Liên Xô lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện.

B. Cải tổ đất nước ở Liên Xô tại thời điểm đó là hoàn toàn không phù hợp, không cần thiết.

C. Cải tổ là một tất yếu, nhưng trong quá trình thực hiện, Liên Xô liên tục mắc phải sai lầm nên đã đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chủ nghĩa xã hội.

D. Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô có quá nhiều thiếu sót, sai lầm nên dù công cuộc cải tổ được xúc tiến tích cực vẫn không thể cứu vãn được tình hình.

**Câu 33.** Sau khi Liên Xô tan rã, quốc gia nào là “quốc gia kế tục Liên Xô”?

A. Liên bang Nga.

B. Nga Xô viết.

C. Lítva.

D. Ucraina.

**Câu 34.** Nội dung nào phản ánh đúng tình hình kinh tế Liên bang Nga giai đoạn 1990 – 1995?

**A.** Tăng trưởng âm.

B. Tăng trưởng nhanh chóng.

C. Phát triển xen kẽ khủng hoảng.

D. Tăng trưởng chậm.

**Câu 35.**Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã có tác động như thế nào đến tình hình thế giới ?

A. Thúc đẩy sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn cầu.

B. Trật tự thế giới hai cực Ianta hoàn toàn sụp đổ.

C. Mĩ vươn lên nắm quyền lãnh đạo thế giới, xác lập trật tự thế giới "một cực".

D. Chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang trên quy mô toàn cầu.

**Câu 36.**Tổng thống đầu tiên của Liên bang Nga là ai ?

A. M. Goócbachốp.

B. B. Enxin.

C. V. Putin.

D. D Međvêdev.

**Câu 37.** Một trong những đường lối đối ngoại của Liên bang Nga trong thập niên 90 của thế kỉ XX là

A. đối đầu quyết liệt với Mĩ.

B. vươn lên nắm quyền chi phối thế giới.

C. cố gắng duy trì địa vị của một cường quốc xã hội chủ nghĩa.

D. khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á.

**Câu 38.** Hiến pháp Liên bang Nga 12/1993, quy định cho phép mỗi chính khách chỉ có thể đảm nhận vị trí Tổng thống Liên bang trong mấy nhiệm kì?

A. Một nhiệm kì.       B. Hai nhiệm kì.

C. Ba nhiệm kì.      D. Bốn nhiệm kì.

**Câu 39.**Người được bầu làm Tổng thống Nga năm 2000 là

A. M. Goócbachốp.

B. B. Enxin.

C. V. Putin.

D. D Međvêdev.

**Câu 40.** Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là

A. sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới.

B. sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn.

C. sự thất bại của lí thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học trong thực tế.

D. mốc chấm dứt cuộc Chiến tranh lạnh trên phạm vi thế giới.

**Câu 41.**Hiến pháp Liên nga Nga (12/1993) quy định nước Nga theo thể chế

A. Tổng thống Liên bang.

B. quân chủ lập hiến.

C. cộng hòa quý tộc.

D. quân chủ chuyên chế.

**Câu 42.**Trong giai đoạn 1946 - 1950, Liên Xô đã đạt được thắng lợi to lớn gì trong công cuộc khôi phục kinh tế?

A. Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm trước 9 tháng.

B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Trái đất

C. Xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội

D.Thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

**Câu 43.**Năm 1949 đã ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô bằng sự kiện nổi bật nào?

A. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

B. Liên Xô chế tạo thành công bom hạt nhân.

C. Liên Xô đập tan sự bao vây của Mĩ và các nước tư bản.

D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

**Câu 44.**Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.

B. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

C. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và sự nhiệt tình của nhân dân.

D. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.

**Câu 45.** Thành tựu quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được trong giai đoạn 1950 – nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX là

A. chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái đất.

C. trở thành nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.

D. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới.

**Câu 46.**Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử vào thời gian nào?

A. Năm 1945.   B. Năm 1947.    C. Năm 1949.    D. Năm 1951.

**Câu 47.**So với Mĩ, điểm khác biệt về mục đích sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô là

A. dùng để rộng lãnh thổ.

B. duy trì nền hòa bình thế giới

C. ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

D. khống chế các nước khác.

**Câu 48.** Một trong những chính sách đối ngoại của Liên bang Nga trong những năm cuối thế kỉ XX là

A. ngả về phương Tây với hy vọng nhận được sự viện trợ về kinh tế.

B. tăng cường chạy đua vũ trang để phát động cuộc chiến tranh mới.

C. hợp tác toàn diện với Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa.

D. thực hiện chính sách hòa bình, trung lập với bên ngoài.

**Câu 49.**Nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới được xây dựng tại đâu?

A. Mĩ       B. Đức.

C. Liên Xô.           D. Trung Quốc.

**Câu 50.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chú trọng vào ngành kinh tế nào để đưa đất nước phát triển?

A. Công nghiệp nhẹ.

B. Nông nghiệp.

C. Tài chính.

D. Công nghiệp nặng.

**Câu 51.** Liên xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất vào năm nào?

A. 1955.    B. 1957.    C. 1961.    D. 1963.

**Câu 52.** Năm 1961 diễn ra sự kiện gì trong công cuộc chinh phục vũ trụ ở Liên Xô?

A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất.

B. Phóng con tàu đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ.

C. Đưa con người lên Mặt Trăng.

D. Đưa con người lên Sao Hỏa.

**Câu 53.** Yuri Ga-ga-rin là

A. người đầu tiên bay lên sao Hỏa.

B. người đầu tiên thử thành công vệ tinh nhân tạo.

C. người đầu tiên bay vào vũ trụ.

D. người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng.

**Câu 54.**Đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô đã

A. đạt thế cân bằng về sức mạnh kinh tế so với Mĩ và các nước phương Tây.

B. đạt thế cân bằng về sức mạnh hạt nhân so với Mĩ và các nước phương Tây.

C. đạt thế cân bằng sức mạnh về tài chính so với Mĩ và các nước phương Tây.

D. đạt thế cân bằng về chinh phục vũ trụ so với Mĩ và các nước phương Tây.

**Câu 55.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô tiến hành khôi phục kinh tế trong điều kiện

A. thu được nhiều chiến phí.

B. chiếm được nhiều thuộc địa.

C. bị tổn thất nặng nề sau chiến tranh.

D. bán được nhiều vũ khí trong chiến tranh.

**Câu 56.**Nhân dân Liên Xô nhanh chóng hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 - 1950) nhờ vào

A. sự giúp đỡ của các nước trên thế giới.

B. tinh thần tự lực tự cường.

C. sự giúp đỡ của các nước Đông Âu.

D. những tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

**Câu 57.**Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây với hy vọng

A. tăng cường hợp tác khoa học - kỹ thuật với các nước châu Âu.

B. nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.

C. xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.

D. thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu.

**Câu 58.**Từ năm 2000, khi Putin lên làm Tổng thống, tình hình kinh tế nước Nga như thế nào?

A. Tiếp tục khủng hoảng trầm trọng.

B. Dần dần hồi phục và phát triển.

C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn âm.

D. Phát triển xen kẽ với khủng hoảng.

**Câu 59.**Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhiên khiến chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

A. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học.

B. Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.

C. Hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội.

D. Không hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

**Câu 60.**Hậu quả lớn nhất mà Chiến tranh thế giới thứ hai để lại đối với Liên Xô là

A. khiến hơn 27 triệu người chết.

B. làm hơn 1710 thành phố bị đổ nát.

C. tiêu hủy hơn 70.000 làng mạc.

D. tàn phá hơn 32.000 xí nghiệp.

**Câu 61.** Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô được mệnh danh là

A. cường quốc công nghiệp.

B. cường quốc công nghệ.

C. cường quốc nông nghiệp.

D. cường quốc sản xuất phần mềm.

**Câu 62.**Sắp xếp những thành tựu khoa học - kĩ thuật dưới đây của Liên Xô theo thứ tự thời gian xuất hiện:

1. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

2. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

3. Phóng tàu vũ trụ đưa con người bay vòng quanh Trái Đất.

A. 2, 1, 3.

B. 2, 3, 1.

C. 3, 2,1.

D. 1, 3, 2.

**Câu 63.** Với chủ trương bảo vệ hòa bình thế giới, giúp đỡ các nước chủ nghĩa xã hội và ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, Liên Xô trở thành

A. anh cả của hệ thống chủ nghĩa xã hội.

B. thành trì của nền hòa bình và phong trào cách mạng thế giới.

C. thủ lĩnh của phe xã hội chủ nghĩa.

D. thành trì của hệ thống chủ nghĩa xã hội.

**Câu 64.** Tổ chức hiệp ước Vác-sa-va trở thành một đối trọng với khối quân sự nào của Mĩ ?

A. Khối SEATO       B. Khối CENTO

C. Khối NATO       D. Khối ANZUSS

**Câu 65.**Ý nghĩa quan trọng nhất của sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử là

A. cân bằng lực lượng quân sự giữa Mỹ và Liên Xô.

B. đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật Liên Xô.

C. phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ.

D. Liên Xô trở thành cường quốc về vũ khí hạt nhân.

**Câu 66.** Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là ngả về phương Tây và khôi phục, phát triển quan hệ với các nước

A. châu Á.

B. châu Âu.

C. châu Phi.

D. châu Mỹ.

**Câu 67.**Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân khiến Liên Xô trở thành chỗ dựa cho phong trào hòa bình và cách mạng thế giới?

A. Liên Xô có nền kinh tế vững mạnh, khoa học kỹ thuật tiên tiến.

B. Liên Xô chủ trương duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

C. Liên Xô ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Liên Xô là nước duy nhất trên thế giới sở hữu vũ khí hạt nhân.

**Câu 68.**Chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX là gì?

A. Muốn làm bạn với tất cả các nước.

B. Chỉ quan hệ với các nước lớn.

C. Tích cực ủng hộ hòa bình và phong trào cách mạng thế giới.

D. Chỉ làm bạn với các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 69.**Điểm tương đồng trong công cuộc công cuộc cải tổ ở Liên Xô và công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam là

A. tiến hành cải tổ về chính trị, cho phép đa nguyên đa đảng.

B. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, mở rộng hội nhập quốc tế.

C. tiến hành khi đất nước lâm vào tình trạng không ổn định, khủng hoảng kéo dài.

D. Đảng Cộng sản nắm quyền lãnh đạo, kiên trì theo con đường xã hội chủ nghĩa.

**Câu 70.** Kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế của Liên Xô đã hoàn thành trong thời gian

A. 5 năm.

B. 4 năm 3 tháng.

C. 4 năm.

D. 4 năm 9 tháng.

**Câu 71.** Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật?

A. Phóng thành công tên lửa đạn đạo.

B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

D. Phóng tàu vũ trụ đưa I. Gagarin bay vòng quanh Trái Đất.

**Câu 72.** Từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại nào?

A. Bảo vệ hoà bình thế giới.

B. Đối đầu với các nước Tây Âu.

C. Muốn làm bạn với tất cả các nước.

D. Quan hệ chặt chẽ với tất cả các nước.

**Câu 73.**Một trong những chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là

A. ngả về phương Tây.

B. thực hiện chính sách hòa bình.

C. phát triển quan hệ với các nước châu Mỹ.

D. đối đầu gay gắt với Mỹ.

**Câu 74.**Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô đã đi đầu thế giới trong lĩnh vực

A. công nghiệp nhẹ.

B. công nghiệp nặng.

C. công nghiệp vũ trụ.

D. sản xuất nông nghiệp.

**Câu 75.** Nhiệm vụ trọng tâm của các kế hoạch 5 năm ở Liên Xô từ 1950 đến những năm 1970 là

A. viện trợ cho các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

B. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

C. xây dựng khối chủ nghĩa xã hội vững mạnh, đối trọng với Mĩ và Tây Âu

D. xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp và quốc hữu hóa nền công nghiệp quốc gia.

**Câu 76.** Quốc gia mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người là

A. Mĩ

B. Liên Xô.

C. Trung Quốc.

D. Nhật Bản.

**Câu 77.**Việc Liên Xô có tỉ lệ công nhân chiếm hơn 55% số người lao động trong cả nước ( 1950 – 1970) đã chứng tỏ

A. Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp.

B. nền nông nghiệp của Liên Xô rất lạc hậu.

C. Liên Xô chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nông nghiệp.

D. Liên Xô trở thành siêu cường công nghiệp đứng đầu thế giới.

**Câu 78.** Nét nổi bật trong đối nội ở Liên bang Nga giai đoạn 1991 – 2000 là

A. xung đột lãnh thổ với láng giềng.

B. sự tranh chấp giữa các tôn giáo.

C. sự tranh chấp giữa các đảng phái.

D. chủ nghĩa khủng bố hoạt động mạnh.

**Câu 79.**Vai trò quốc tế của Liên bang Nga ngay sau khi Liên Xô tan rã là gì?

A. Tiếp tục giữ vai trò là một đối trọng về quân sự với Mĩ.

B. Ủy viên thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Giữ vai trò chủ yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

D. Tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 80.** Thắng lợi to lớn nhất của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế (1946 – 1950) là

A. chế tạo thành công bom nguyên tử.

B. tổng sản lượng công nghiệp tăng 73%.

C. sản xuất nông nghiệp đạt mức trước chiến tranh.

D. hoàn thành thắng lợi kế hoạch trước thời hạn 9 tháng.

**Câu 81.**Mục tiêu lớn nhất của Tổng thống Nga V. Putin khi lên cầm quyền là

A. nâng cao vị trí của nước Nga ở châu Á.

B. nâng cao mức ảnh hưởng ở các nước Đông Âu.

C. nâng cao vị trí của nước Nga trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

D. nâng cao vị trí của cường quốc Á – Âu trên trường chính trị thế giới.

**Câu 82.** Từ năm 1950 đến giữa những năm 70, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã có ý nghĩa như thế nào đối với quan hệ quốc tế?

A. Góp phần thất bại “Chiến lược toàn cầu” của Mĩ.

B. Khẳng định sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lênin.

C. Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

D. Làm cho chủ nghĩa xã hội trở nên phổ biến.

**Câu 83.**Sự chống phá của các thế lực thù địch có tác động như thế nào đến sự sụp đổ của Liên Xô?

A. Là nguyên nhân sâu xa đưa đến sự sụp đổ.

B. Là nguyên nhân khách quan đưa đến sự sụp đổ.

C. Là nguyên nhân quyết định đến sự sụp đổ.

D. Không tác động đến sự sụp đổ của Liên Xô.

**Câu 84.** Trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, các nhà lãnh đạo đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng, đó là

A. không xây dựng nhà nước công nông vững mạnh.

B. chủ quan, duy ý chí, thiếu công bằng dân chủ trong xã hội.

C. không chú trọng văn hoá, giáo dục, y tế.

D. ra sức chạy đua vũ trang, không tập trung vào phát triển kinh tế.

**Câu 85.** Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô tồn tại trong khoảng thời gian nào?

A. 1917 - 1991.

B. 1918 - 1991.

C. 1920 - 1991.

D. 1922 - 1991.

**Câu 86.**Nguyên nhân cơ bản nào làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?

A. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước chống phá.

B. Chậm sửa chữa những sai lầm.

C. Nhà nước và nhân dân muốn thay đổi chế độ.

D. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học.

**Câu 87.**Bản Hiến pháp đầu tiên của Liên bang Nga được ban hành vào

A. năm 1991.

B. năm 1992.

C. năm 1993.

D. năm 2000.

**Câu 88.**Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ vào năm nào?

A. Năm 1989.

B. Năm 1990.

C. Năm 1991.

D. Năm 1992.

**Câu 89.**Sau khi Liên Xô sụp đổ, tình hình Liên bang Nga như thế nào?

A. Trở thành quốc gia lệ thuộc vào Mĩ.

B. Trở thành quốc gia kế tục Liên Xô.

C.Trở thành quốc gia nắm mọi quyền hành ở Liên Xô.

D.Trở thành quốc gia Liên bang Xô viết.

**Câu 90.** Tháng 12 -1993, Hiến pháp Liên bang Nga ban hành, quy định nước Nga đi theo thể chế gì?

A. Quân chủ lập hiến

B. Thể chế Đại nghị

C. Cộng hòa Đại nghị

D. Tổng thống Liên bang

**Câu 91.** Trong những năm cuối của thế kỉ XX, dưới thời Tổng thống nào, nước Nga đứng trước thách thức lớn về tình trạng không ổn định do tranh chấp giữa các đảng phái?

A. V.Putin

B. B. Enxin

C. D. Medvedev

D. V. Vorotnikov

**Câu 92.** Đâu **không** phải là những thách thức mà nước Nga phải đối mặt sau khi kế tục Liên Xô?

A. Những xung đột sắc tộc, li khai.

B. Đòi hỏi dân chủ hóa của nhân dân.

C. Chế độ đa đảng ngày càng hỗn tạp.

D. Mất hết vị thế trên trường quốc tế.

**Câu 93.** Trong những năm 90 của thế kỉ XX, nước Nga theo đuổi chính sách đối ngoại nào?

A. “Định hướng phương Tây”

B. “Định hướng Á – Âu”

C. “Định hướng phương Đông”

D. “Định hướng Thái Bình Dương”

**Câu 94.** Sau khi Liên Xô tan rã, quốc gia nào sau đây là nước kế tục địa vị của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

A. Nga Xô viết.

B. Liên bang Nga.

C. Liên bang Xô viết.

D. Ucraina.

**----------------------------------------------**

**BÀI 3. ĐÔNG BẮC Á (1945-2000)**

**Câu 1.** Nước nào dưới đây **không** thuộc khu vực Đông Bắc Á?

A. Nhật Bản.

B. Hàn Quốc.

C. Trung Quốc.

D. Xingapo.

**Câu 2.** Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào ở Đông Bắc Á **không** bị chủ nghĩa thực dân nô dịch?

A. Nhật Bản

B. Trung Quốc.

C. Thái Lan.

D. Đài Loan.

**Câu 3.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, bán đảo Triều Tiên bị chia cắt làm hai miền theo vĩ tuyến

A.16       B.20      C.38      D.48

**Câu 4.** Sau thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (1949), chính quyền Tưởng Giới Thạch phải rút chạy ra

A. Đài Loan.

B. Hồng Công.

C. Ma Cao.

D. Triều Tiên.

**Câu 5.** Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào thời gian nào?

A. Năm 1945        B. Năm 1949

C. Năm 1950       D. Năm 1955

**Câu 6.** Ba “con rồng” kinh tế châu Á thuộc Đông Bắc Á là

A. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan.

B. Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.

C. Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản.

D. Hàn Quốc, Trun Quốc, Nhật Bản.

**Câu 7.** Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 có ý nghĩa như thế nào đối với đất nước này?

A. Mở ra kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

B. Làm cho ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội lan rộng khắp toàn cầu.

C. Hoàn thành cuộc cách mạng cã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc.

D. Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa xã hội phát triển.

**Câu 8.** Ý nghĩa quốc tế của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10/1949) là

A.kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của để quốc đối với nhân dân Trung Hoa.

B. làm phá sản về cơ bản hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

C. mở rộng phạm vi địa lí của chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Á.

D. đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 9.** Trong thế kỉ XX, quốc gia nào ở khu vực Đông Bắc Á trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới?

A. Trung Quốc.

B. Nhật Bản.

C. Hàn Quốc.

D. Đài Loan.

**Câu 10.**Trong những năm 80 – 90 của thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI, nền kinh tế của quốc gia nào ở Đông Bắc Á có tốc độ tăng trưởng nhanh và cao nhất thế giới?

A. Trung Quốc.

B. Nhật Bản.

C. Hàn Quốc.

D. Triều Tiên.

**Câu 11.**Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào thời gian nào ?

A. Năm 1949.

B. Năm 1950.

C. Năm 1951.

D. Năm 1952.

**Câu 12.** Chiến tranh giữa hai miền Triều Tiên (1950 – 1953) chấm dứt với hiệp định đình chiến ở

A. Pari.

B. Bàn Môn Điếm.

C. Giơnevơ.

D. Vécxai.

**Câu 13.** Cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946 – 1949) diễn ra giữa

A. Đảng Quốc đại và Quốc dân đảng.

B. Đảng Cộng sản và Đảng Dân chủ.

C. Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản.

D. Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ.

**Câu 14.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1949)?

A. Hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc.

B. Đưa đất nước bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do.

C. Chấm dứt hơn 100 nô dịch và thống trị của đế quốc.

D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 15.** Hiểu như thế nào về "Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc" ?

A. Là một mô hình chủ nghĩa xã hội hoàn toàn mới, không dựa trên những nguyên lí chung mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề ra.

B. Mô hình chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên nền tảng thống nhất, đoàn kết giữa các đảng phái chính trị.

C. Là mô hình chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở thành lập các công xã nhân dân - đơn vị kinh tế, đồng thời là đơn vị chính trị căn bản.

D. Là mô hình chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở những nguyên lí chung của chủ nghĩa Mác - Lênin và những đặc điểm lịch sử cụ thể của Trung Quốc.

**Câu 16.** Người đề xướng đường lối cải cách – mở cửa đất nước Trung Quốc là

A. Lưu Thiếu Kì         B. Chu Dung Cơ

C. Giang Trạch Dân         D. Đặng Tiểu Bình

**Câu 17.** Đảng và Nhà nước Trung Quốc xác định trọng tâm của đường lối cải cách và mở cửa là

A. lấy cải cách kinh tế làm trung tâm.

B. lấy đổi mới chính trị làm trung tâm.

C. đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị được tiến hành đồng thời.

D. đổi mới chính trị là nền tảng, là khâu đột phá để đẩy mạnh đổi mới kinh tế.

**Câu 18.** Điểm nổi bật của nền kinh tế Trung Quốc trong thời kì đổi mới (1978 - 2000) là

A. nền kinh tế nông - công nghiệp phát triển theo hướng tự cấp tự túc.

B. nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

C. nền kinh tế thị trường tự do.

D. nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

**Câu 19.** Nội dung nào phản ánh đúng tình hình kinh tế Trung Quốc trong những năm 1978 – 1998?

A. Nền kinh tế đã phục hồi ngang bằng so với thời kì trước "Cách mạng văn hoá".

B. Nền kinh tế tăng trưởng chậm do không giải quyết được vấn đề vốn và đổi mới khoa học công nghệ.

C. Nền kinh tế phát triển nhanh chóng, những năm 90 tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.

D. Kinh tế tuy phát triển mạnh, nhưng đời sống nhân dân vẫn chưa được cải thiện.

**Câu 20.**Trung Quốc chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm :

A. 1964.       B. 1965.

C. 1973.       D. 1959.

**Câu 21.**Năm 1999, Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền đối với vùng lãnh thổ nào dưới đây?

A. Hồng Kông.        B. Đài Loan.

C. Ma Cao.          D. Bành Hổ.

**Câu 22.** Năm 1997, Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền đối với vùng lãnh thổ nào dưới đây?

A. Hồng Kông.        B. Đài Loan.

C. Ma Cao.          D. Bành Hổ.

**Câu 23.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, yếu tố cơ bản nhất giúp cách mạng Trung Quốc phát triển là

A. sự giúp đỡ của Liên Xô .

B. lực lượng cách mạng lớn mạnh nhanh chóng.

C. ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới.

D. vùng giải phóng được mở rộng.

**Câu 24.**Trước sự lớn mạnh của cách mạng Trung Quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tập đoàn Tưởng Giới Thạch thực hiện âm mưu gì?

A. Phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản và phong trào cách mạng Trung Quốc.

B. Cấu kết với đế quốc Mĩ để tiêu diệt cách mạng Trung Quốc.

C. Đưa 20 vạn quân sang Mĩ để huấn luyện quân sự.

D. Huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản nắm giữ.

**Câu 25.**Từ năm 1950, Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá nhằm mục đích:

A. thực hiện đường lối “ba ngọn cờ hồng”.

B. thực hiện cuộc “đại nhảy vọt” .

C. xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

D. phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xây dựng nền văn hoá mới.

**Câu 26.** Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào thời gian nào?

A. Tháng 12-1978.       B. Tháng 10 – 1987.

C. Đầu năm 1980.        D. Tháng 12-1989.

**Câu 27.** Cuộc nội chiến từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc kết thúc với sự thắng lợi của

A. Đảng Cộng sản.

B. Đảng Quốc đại.

C. Quốc dân đảng.

D. Đồng minh Hội.

**Câu 28.** Cuộc nội chiến lần thứ tư (1946 - 1949) ở Trung Quốc kết thúc đã dẫn đến sự ra đời của nước

A. Trung Hoa Dân quốc.

B. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Trung Hoa.

C. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa.

**Câu 29.** Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc mang tính chất:

A. một cuộc cách mạng tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

B. một cuộc cách mạng vô sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

C. một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

D. một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 30.** Nội dung nào phản ánh đúng ý nghĩa quốc tế của sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1/10/1949)?

A. Kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc đối với nhân dân Trung Hoa.

B. Báo hiệu sự kết thúc ách thống trị, nô dịch của chế độ phong kiến tư bản trên đất Trung Hoa.

C. Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới và cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc.

D. Đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội

**Câu 31.** Trung Quốc bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cơ sở tình hình đất nước như thế nào?

A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa tương đối phát triển.

B. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa kém phát triển.

C. Kinh tế tương đối phát triển.

D. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.

**Câu 32.** Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc tiến hành trong khoảng thời gian nào?

A. 1949 - 1953       B. 1953 - 1957

C. 1957- 1961       D. 1961 - 1965

**Câu 33.** Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của nhân dân Trung Quốc hoàn thành nhờ vào yếu tố nào?

A. Sự giúp đỡ và viện trợ của Mĩ.

B. Sự giúp đỡ của các nước Đông Âu.

C. sự giúp đỡ của liên xô.

D. Sự giúp đỡ của các nước tư bản.

**Câu 34.** Trong mười năm đầu xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (1949 - 1959), Trung Quốc đã thi hành chính sách đối ngoại như thế nào?

A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Chống Mĩ và các nước tư bản chủ nghĩa.

C. Thi hành chính sách tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

D. Thi hành chính sách đối ngoại nhằm đẩy lùi các phong trào cách mạng thế giới.

**Câu 35.** Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối đổi mới vào năm

A. 1978.

B. 1982.

C. 1987.

D. 1992.

**Câu 36.**Sự chia cắt của Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên phản ánh vấn đề gì trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự đối đầu Đông – Tây và Chiến tranh lạnh.

B. Chiến lược toàn cầu của Hoa Kì.

C. Sự phát triển mạnh của các lực lượng dân tộc ở các nước thuộc địa.

D. Sự cạnh tranh phạm vi ảnh hưởng giữa các nước tư bản.

**Câu 37.** Nguyên nhân chính khiến Quốc dân Đảng và Đảng Cộng Sản không thể hợp tác xây dựng chính phủ liên hiệp như quy định của Hội nghị Ianta (2-1945) là gì?

A. Do tác động của cuộc Chiến tranh lạnh.

B. Do sự đối lập ý thức hệ và tham vọng lãnh đạo cách mạng Trung Quốc.

C. Do sự phát triển lực lượng của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

D. Do sự can thiệp của Mĩ.

**Câu 38.** Công cuộc cải cách và mở cửa ở Trung Quốc (từ năm 1978) và công cuộc cải tổ ở Liên Xô (1985 – 1991) có điểm gì tương đồng?

A. Chủ trương lấy cải cách chính trị làm trọng tâm.

B. Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

C. Đưa đất nước phát triển mạnh mẽ theo con đường chủ nghĩa xã hội.

D. Diễn ra khi đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.

**Câu 39.** Đường lối cải cách – mở cửa của Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương

A. lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

B. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.

D. lấy phát triển văn hoá làm trọng tâm.

**Câu 40.**Từ sau năm 1978, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc có gì mới so với những giai đoạn trước?

A. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa.

B. Kiên trì cải cách dân chủ nhân dân.

C. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

D. Thực hiện đường lối cải cách và mở cửa.

**Câu 41.** Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên (1948) là do hệ quả của

A. cuộc đối đầu Đông Tây

B. trật tự hai cực Ianta

C. Chiến tranh lạnh

D. xu thế toàn cầu hóa

**Câu 42.** Cuộc nội chiến (1950 - 1953) trên bán đảo Triều Tiên là "sản phẩm" của

A. mâu thuẫn về kinh tế giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

B. mâu thuẫn về chính trị giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

C. sự đụng độ trực tiếp về quyền lợi giữa Liên Xô, Trung Quốc và Mĩ.

D. sự đụng độ trực tiếp đầu tiên giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

**Câu 43.** Sự kiện nào đánh dấu hai miền Nam – Bắc Triều Tiên bước vào thời kì hòa bình và xây dựng đất nước?

A. Cuối năm 1948, Liên Xô rút khỏi miền Bắc Triều Tiên.

B. Giữa năm 1949, Mĩ rút khỏi miền Nam Triều Tiên.

C. Hiệp định đình chiến được kí kết tại Bàn Môn Điếm (1953).

D. Hiệp định hòa hợp giữa hai nhà nước (2000).

**Câu 44.** Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) có điểm gì tương đồng với cuộc chiến tranh Việt Nam (1954 – 1975)?

A. Đều chịu ảnh hưởng của Chiến tranh lạnh.

B. Đều không bị chia cắt đất nước trong chiến tranh.

C. Sau chiến tranh, cả hai nước đều đã thống nhất.

D. Đều kết thúc với thắng lợi của Đảng Cộng sản.

**Câu 45.** Sau năm 1949, nhiệm vụ của cách mạng Trung Quốc được xác định là

A. tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. tiếp tục hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. tiến lên xây dựng chủ nghĩa tư bản.

D. tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**Câu 46.** Sau thất bại trong cuộc nội chiến 1946 - 1949, tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã chạy sang

A. Mĩ

B. Hồng Công

C. Đài Loan

D. Hải Nam

**Câu 47.** Sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian xuất hiện:

1. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.

2. Hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên ra đời.

3. Nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản.

4. Trung Quốc thu hồi chủ quyền với Hồng Kông.

A. 3, 2, 1, 4.

B. 4, 2, 3, 1.

C. 3, 2, 4, 1.

D. 3, 1, 2, 4.

**Câu 48.** Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ năm 1979 đến nay là

A. tiếp tục đường lối đóng cửa

B. duy trì mối quan hệ đồng minh với Mĩ.

C. mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trên thế giới

D. chỉ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Xã hội chủ nghĩa.

**Câu 49.** Một trong những mục tiêu cải cách – mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978 là xây dựng Trung Quốc thành quốc gia

A. độc lập, tự chủ.

B. có trình độ dân trí cao.

C. tự do, bình đẳng, bác ái.

D. giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

**Câu 50.** Từ thập niên 60 của thế kỉ XX trở đi, ở châu Á xuất hiện bốn con rồng kinh tế là:

A. Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo, Malaixia

B. Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo, Hồng Kông

C. Hàn Quốc, Triều Tiên, Xingapo, Malaixia

D. Trung Quốc, Đài Loan, Xingapo, Malaixia

**Câu 51.** Ở khu vực Đông Bắc Á hiện nay, những nước có nền kinh tế đứng thứ 2 và thứ 3 thế giới lần lượt là:

A. Nhật Bản và Trung Quốc.

B. Trung Quốc và Nhật Bản.

C. Trung Quốc và Hàn Quốc.

D. Nhật Bản và Hàn Quốc.

**Câu 52.** Nguyên tắc nào **không** được xác định trong đường lối cải cách - mở cửa của Trung Quốc (từ năm 1978)?

A. Thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị.

B. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

C. Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông.

D. Kiên trì chủ nghĩa xã hội và chuyên chính dân chủ nhân dân.

**Câu 53.** Từ những năm 80 của thế kỉ XX đến nay, đường lối đối ngoại chung của Trung Quốc là gì?

A. Hợp tác với các nước ASEAN để cùng phát triển.

B. Bắt tay với Mĩ chống lại Liên Xô.

C. Hòa bình, hữu nghị với các nước Đông Dương.

D. Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

**Câu 54.** Trung Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào:

A. 1949

B. 1950

C. 1951

D. 1952

**Câu 55.** Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao vào thời gian nào?

A. Năm 1991.

B. Năm 1995.

C. Năm 1996.

D. Năm 1999.

**Câu 56.** Sự kiện lịch sử nào đã diễn ra ở Trung Quốc vào năm 2003?

A. Thử thành công bom nguyên tử.

B. Phóng thành công tàu "Thần Châu 5".

C. Thu hồi chủ quyền với Hồng Kông.

D. Thu hồi chủ quyền với Ma Cao.

**Câu 57.** 25/6/1950 diễn ra sự kiện gì ở hai miền Nam Bắc Triều Tiên:

A. Mĩ và Liên Xô rút khỏi Nam - Bắc Triều Tiên.

B. Mĩ tìm cách hất Liên Xô ra khỏi Bắc Triều Tiên.

C. Liên Xô tuyên bố không can thiệp vào nội bộ của Triều Tiên.

D. Cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam - Bắc Triều Tiên Bùng nổ.

**Câu 58.** Bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc và cải tổ của Liên Xô đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam là

A. duy trì cơ chế quản lí kinh tế tập trung.

B. kiên trì vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

C. phải xây dựng nền kinh tế thị trường năng động.

D. phải thay đổi thể chế chính trị cho phù hợp với tình hình.

--------------------------------------------------------

**BÀI 4. ĐÔNG NAM Á VÀ NAM Á**

**Câu 1.**Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Inđônêxia là thuộc địa của nước nào ?

A. Anh.          B. Mĩ.

C. Hà Lan          D. Pháp

**Câu 2.** Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), 3 nước ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập là

A. Việt Nam, Philippin, Lào.       B. Philippin, Lào, Việt Nam.

C. Inđonêxia, Việt Nam, Lào.       D. Miến Điện, Lào, Việt Nam.

**Câu 3.**Nước nào ở khu vực Đông Nam Á không là thuộc địa của các nước đế quốc Âu - Mĩ?

A. Việt Nam       B. Inđônêxia.

C. Thái Lan       D. Campuchia

**Câu 4.**Nước nào dưới đây tuyên bố độc lập và thành lập chế độ cộng hoà sớm nhất ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Việt Nam       B. Malaixia.

* C. Miến Điện.       D. Inđônêxia.

**Câu 5.** Trước năm 1959, Xingapo là thuộc địa của

A. Pháp          B. Mĩ

C. Hà Lan          D. Anh

**Câu 6.**Nhân dân các nước Đông Nam Á đã nhân cơ hội nào trong năm 1945 để đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc?

A. Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

B. Liên Xô truy kích quân Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

C. Đức kí văn bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

D. Quân Đồng minh tiến hành giải giáp phát xít Nhật.

**Câu 7.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Pháp có chủ trương gì đối với Đông Dương ?

A. Thiết lập chế độ thực dân mới ở Đông Dương.

B. Thiết lập Liên bang Đông Dương tự trị trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Thiết lập trở lại chế độ trực trị của Pháp ở Đông Dương.

D. Công nhận nền độc lập hoàn toàn của các nước Đông Dương.

**Câu 8.** Trước năm 1984, Brunây là :

A. một nước trong Liên bang Inđônêxia.

B. một thuộc địa của thực dân Anh.

C. một nước trong Liên bang Malaixia.

D. một thuộc địa của thực dân Hà Lan.

**Câu 9.** Nhân dân Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1955 - 1975) dưới sự lãnh đạo của :

A. Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. Đảng Cộng sản Lào.

C. Đảng Nhân dân Lào.

D. Đảng Dân chủ Nhân dân Lào.

**Câu 10.** Ngày 12/10/1945 gắn liền với sự kiện nào của lịch sử Lào ?

A. Nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

B. Lào bắt đầu tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp trở lại xâm lược Lào.

C. Thực dân Pháp công nhận nền độc lập của Lào.

D. Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.

**Câu 11.**Trong những năm 1953 – 1954, quân dân Lào đã phối hợp với Quân đội Việt Nam tiến hành các chiến dịch nào ?

A. Chiến dịch Tây Bắc.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

C. Chiến dịch Hòa Bình.

D. Chiến dịch Thượng Lào.

**Câu 12.**Nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 - 1954) dưới sự lãnh đạo của

A. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.

B. Đảng Cộng sản Campuchia, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

C. Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

**Câu 13.** Người tiến hành cuộc vận động ngoại giao đòi Pháp trao trả độc lập cho nước Campuchia (1953) là

A. Xihanúc.

B. Lon Nol.

C. XupHanuvông.

D. Nôrôđôm.

**Câu 14.** Nội dung nào phản ánh đúng tình hình Campuchia trong những năm 1954 – 1970?

A. Là một nước lệ thuộc Pháp.

B. Là một nước trung lập.

C. Là một nước lệ thuộc phương Tây.

D. Là một thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

**Câu 15.**Nội dung nào phản ánh đúng tình hình Campuchia trong những năm 1979 - 1989?

A. Tập đoàn Khơme Đỏ tiến hành chính sách diệt chủng tàn bạo, tàn sát hàng triệu người dân vô tội

B. Đất nước dần ổn định, kinh tế phát triển, quan hệ đối ngoại được đẩy mạnh.

C. Campuchia đẩy mạnh tiến trình hòa hợp, hòa giải dân tộc để xây dựng chính phủ thống nhất.

D. Diễn ra cuộc nội chiến giữa Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia với các phe phái đối lập, chủ yếu là Khơme Đỏ.

**Câu 16.**Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. 1954- 1975.       B. 1954- 1979.

C. 1954-1970.       D. 1970- 1975.

**Câu 17.**Những nước thành viên sáng lập tổ chức ASEAN bao gồm

A. Inđônêxia, Philippin, Xingapo, Mianma, Malaixia.

B. Mĩanma, Philípin, Xingapo, Malaixia, Brunây.

C. Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan.

D. Brunây, Thái Lan, Xingapo, Malaixia, Mianma.

**Câu 18.**Sau khi giành được độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đã thực hiện chiến lược phát triển kinh tế nào ?

A. Chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

B. Chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

C. Chiến lược hiện đại hoá nông nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu.

D. Chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**Câu 19.**Từ những năm 60 – 70 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN chuyển sang thực hiện chiến lược

A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

B. công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

C. công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.

D. công nghiệp hóa lấy nhập khẩu làm chủ đạo.

**Câu 20.** Hiến pháp 1993 của Campuchia đã khẳng định nước này theo loại hình thể chế

A. quân chủ chuyên chế       B. cộng hoà

C. quân chủ lập hiến       D. độc tài

**Câu 21.** Hiệp định hoà bình về Campuchia kí kết ngày 23/10/1991 là :

A. kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài chống lại chế độ diệt chủng Pôn Pốt - Iêngxari.

B. kết quả của phong trào dân tộc nhằm gạt bỏ vai trò ảnh hưởng của các nước tư bản phương Tây ở Campuchia.

C. kết quả của cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân mới của Mĩ ở Campuchia.

D. kết quả của quá trình hoà hợp, hoà giải dân tộc ở Campuchia với sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

**Câu 22.** Tổ chức ASEAN ra đời trong hoàn cảnh nào ?

A. Tất cả các nước Đông Nam Á đang tiến hành cuộc đấu tranh đòi độc lập.

B. Mĩ đã xuống thang, chấp nhận đàm phán để kết thúc chiến tranh ở Việt Nam.

C. Hình thành các tổ chức hợp tác trong khu vực.

D. Nhiều nước Đông Nam Á gặp khó khăn trong công cuộc xây dựng đất nước.

**Câu 23.**Nước nào hiện nay đang là quan sát viên của tổ chức ASEAN ?

A. Đông Timo       B. Mianma

C. Trung Quốc       D. Nhật Bản

**Câu 24.** Hiện nay ASEAN có bao nhiêu thành viên?

A. 5 thành viên.

B. 7 thành viên.

C. 9 thành viên.

D. 10 thành viên.

**Câu 25.** Việt Nam gia nhập ASEAN (1995) có ý nghĩa như thế nào?

A. Mở ra triển vọng cho sự liên kết toàn khu vực Đông Nam Á.

B. Chứng tỏ sự đối đầu về quân sự giữa hai khối nước ở Đông Nam Á có thể hòa giải.

C. Chứng tỏ sự hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN ngày càng có hiệu quả.

D. Chứng tỏ ASEAN đã trở thành một liên minh kinh tế - chính trị.

**Câu 26.** ASEAN + 3 là cơ chế hợp tác giữa ASEAN với 3 quốc gia nào?

A. Trung Quốc, Mĩ, Anh.

B. Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.

C. Anh, Pháp, Đức.

D. Nga, Mĩ, Anh.

**Câu 27.** Tổ chức ASEAN ra đời trong hoàn cảnh nào ?

A. Đông Nam Á đang tiến hành cuộc đấu tranh với chủ nghĩa thực dân nhằm thu hồi chủ quyền dân tộc đối với các vùng lãnh thổ.

B. Toàn Đông Nam Á đang gặp khó khăn lớn trong công cuộc kiến thiết đất nước sau chiến tranh.

C. Sự hình thành nhiều tổ chức hợp tác khu vực trên thế giới, đặc biệt là sự thành công của Khối thị trường chung châu Âu.

D. Các cường quốc bên ngoài chấm dứt chính sách can thiệp vào công cuộc nội bộ của các quốc gia Đông Nam Á.

**Câu 28.** Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ và Xingapo từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm gì tương đồng?

A. Cùng chống thực dân Anh và giành được độc lập vào năm 1950.

B. Đấu tranh vũ trang có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng 2 nước.

C. Đấu tranh chính trị đã đưa lại thắng lợi triệt để cho cách mạng 2 nước.

D. Cách mạng thắng lợi từng bước : từ tự trị để đi đến độc lập hoàn toàn.

**Câu 29.**Những nước nào dưới đây **không** tham gia vào cuộc chiến tranh của Mĩ ở Đông Dương (1954 - 1975) ?

A. Philippin, Malaixia.

B. Thái Lan, Inđônêxia.

C. Inđônêxia, Ấn Độ.

D. Ấn Độ, Hàn Quốc.

**Câu 30.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân Ấn Độ đứng lên đấu tranh chống thực dân

A. Anh.

B. Hà Lan.

C. Pháp.

D. Bồ Đào Nha.

**Câu 31.** Ấn Độ đã tự túc được lương thực và trở thành nước xuất khẩu gạo thứ ba trên thế giới (1995) nhờ tiến hành

A. công nghiệp hóa.

B. cách mạng xanh.

C. cách mạng trắng.

D. cách mạng chất xám.

**Câu 32.** "Trung lập tích cực, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc" là đường lối ngoại giao của

A. Campuchia       B. Malaixia

C. Ấn Độ       D. Trung Quốc

**Câu 33.** Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập dân tộc của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đặt dưới sự lãnh đạo của

A. Đảng Cộng sản.

B. Đảng Quốc đại.

C. Quốc dân đảng.

D. Đảng Dân chủ.

**Câu 34.** “Phương án Mao bát tơn” (1947) chia Ấn Độ thành hai quốc gia trên cơ sở

A. sắc tộc.

B. tôn giáo.

C. lãnh thổ.

D. ngôn ngữ.

**Câu 35.** Ấn Độ trở thành một quốc gia độc lập vào thời gian nào?

A. Năm 1947.

B. Năm 1950.

C. Năm 1951.

D. Năm 1960.

**Câu 36.**Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc

A. cách mạng xanh.

B. cách mạng trắng.

C. cách mạng công nghiệp.

D. cách mạng chất xám.

**Câu 37.** Ngày 22/3/1955 ghi dấu ấn vào lịch sử Lào bằng sự kiện nổi bật nào ?

A. Quân giải phóng Lào được thành lập.

B. Đại hội toàn quốc kháng chiến Lào triệu tập.

C. Mĩ thông qua chính sách "viện trợ" kinh tế đối với Lào.

D. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thành lập.

**Câu 38.** Ngày 2/12/1975 đã diễn ra sự kiện nào trong lịch sử phát triển của Lào?

A. Hiệp định Viêng Chăn được kí kết.

B. Mĩ tiến hành chiến tranh xâm lược Lào.

C. Nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.

D. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ra đời.

**Câu 39.** Ngày 18-3-1970, diễn ra sự kiện gì làm cho Campuchia rơi vào quỹ đạo cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ?

A. Mĩ giúp Lon Nol lật đổ Chính phủ Xihanuc.

B. Mĩ mang quân xâm lược Campuchia.

C. Mĩ dựng nên chế độ độc tài Pôn Pốt ở Campuchia.

D. Mĩ hất cẳng Pháp để xâm lược Campuchia.

**Câu 40.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ do giai cấp nào lãnh đạo?

A. Giai cấp tư sản dân tộc.

B. Giai cấp vô sản.

C. Giai cấp địa chủ phong kiến.

D. Giai cấp nông dân.

**Câu 41.**Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN theo Hiệp ước Ba-li (2-1976)?

A. Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Chung sống hòa bình và sự nhất trí của 5 nước sáng lập.

**Câu 42.** Từ sau khi giành được độc, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đã thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội nhằm mục tiêu

A. xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

B. xây dựng nền kinh tế giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

C. nâng cao đời sống nhân dân và chất lượng nguồn lao động.

D. xây dựng nền kinh tế có năng lực xuất khẩu mạnh mẽ.

**Câu 43.** Một trong những nội dung của chiến lược kinh tế hướng nội mà các nước sáng lập ASEAN thực hiện sau khi giành được độc lập là

A. lấy phát triển sản xuất làm chỗ dựa.

B. lấy thị trường ngoài nước làm chỗ dựa.

C. lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa.

D. lấy nguồn vốn trong nước làm chỗ dựa.

**Câu 44.**Điều kiện tiên quyết đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN (1967) là các quốc gia thành viên đều

A. có nền kinh tế phát triển.

B. đã giành được độc lập.

C. có chế độ chính trị tương đồng.

D. có nền văn hóa dân tộc đặc sắc.

**Câu 45.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại đâu?

A. Tại Gia-cac-ta (Inđônêxia).

B. Tại Ba-li (Inđônêxia).

C. Tại Băng Cốc (Thái Lan).

D. Tại Xingapo.

**Câu 46.** Mục tiêu của tổ chức ASEAN là

A. xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các nước trong khu vực.

B. phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các nước thành viên, trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

C. hiện đại hóa kinh tế - văn hóa nhằm biến Đông Nam Á thành trung tâm kinh tế - tài chính đủ sức cạnh tranh với Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản.

D. liên minh về mặt chính trị - kinh tế nhằm thiết lập một siêu nhà nước ở khu vực Đông Nam Á.

**Câu 47.** Biến đổi lớn nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Các nước châu Á đã giành độc lập.

B. Các nước châu Á đã gia nhập ASEAN.

C. Các nước châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế - tài chính thế giới.

D. Các nước châu Á đã tiến hành hợp tác chung trong một tổ chức khu vực.

**Câu 48.** Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai, ở Đông Nam Á, phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ nhất ở các nước nào?

A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

B. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.

C. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.

D. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

**Câu 49.** Việc thực dân Anh đưa ra phương án Maobáttơn (1947) chứng tỏ

A. thực dân Anh đã chấm dứt việc cai trị và bóc lột Ấn Độ.

B. thực dân Anh đã nhượng bộ trong quá trình cai trị ở Ấn Độ.

C. cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ đã giành thắng lợi hoàn toàn.

D. thực dân Anh muốn thay đổi phương án cai trị để xoa dịu mâu thuẫn dân tộc.

**Câu 50.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là nội dung của chiến lược kinh tế hướng ngoại mà nhóm năm nước sáng lập ASEAN thực hiện từ những năm 60 - 70 thế kỉ XX?

A. Tiến hành “mở cửa” nền kinh tế.

B. Lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.

C. Tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

D. Thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài.

**Câu 51.** Sự kiện nào đánh dấu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Lào kết thúc thắng lợi?

A. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết (7-1954).

B. Hiệp định Viêng Chăn được kí kết (2-1973).

C. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập (12-1975).

D. Đảng Nhân dân Lào được thành lập (3-1955).

**Câu 52.** Đế quốc nào là lực lượng thù địch lớn nhất của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đế quốc Hà Lan.       B. Đế quốc Pháp.

C. Đế quốc Mĩ.          D. Đế quốc Anh.

**Câu 53.** Từ những năm 60, 70 của thế kỉ XX, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN chuyển sang thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại vì

A. muốn khắc phục hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội.

B. không muốn phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài.

C. muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

D. muốn cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương.

**Câu 54.**Biến đổi tích cực quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

B. Nhiều nước có tốc độ phát triển khá nhanh.

C. Sự ra đời của khối ASEAN.

D. Mở rộng hợp tác với các nước Đông Á và EU.

**Câu 55.** Hiệp ước Ba-li (2-1976) đã nêu ra nguyên tắc cơ bản trong quan hệ các nước ASEAN là

A. Tiến hành hợp tác chính trị - quân sự.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp chính trị.

D. Lấy thiểu số phục vụ cho đa số.

**Câu 56.**Từ năm 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN như thế nào?

A. Quan hệ hợp tác song phương.

B. Quan hệ đối thoại hòa bình.

C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ vấn đề kinh tế.

D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Campuchia.

**Câu 57.** Năm 1997, ASEAN đã kết nạp thêm các thành viên nào?

A. Lào, Việt Nam       B. Campuchia, Lào

C. Lào, Mi-an-ma       D. Mi-an-ma, Việt Nam

**Câu 58.** Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang lĩnh vực nào?

A. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch.

B. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.

C. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự.

D. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

**Câu 59.**Theo “Phương án Maobatton” (1947), Ấn Độ đã bị chia cắt thành những quốc gia nào?

A. Bănglađét và Pakixtan.

B. Ấn Độ và Bănglađét.

C. Ấn Độ và Pakixtan.

D. Pakixtan và Nêpan.

**Câu 60.**Mục đích chính của thực dân Anh khi thực hiện phương án Maobáttơn (1947) là

A. trao quyền độc lập cho Ấn Độ.

B. chỉ trao quyền tự trị cho Ấn Độ.

C. xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ.

D. tiếp tục cai trị Ấn Độ dưới hình thức mới.

**---------------------------------------------**

**BÀI 6. CHÂU PHI VÀ MĨ LA TINH**

**Câu 1.** Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu từ khu vực nào?

A. Khu vực Nam Phi.

B. Khu vực Tây Phi.

C. Khu vực Đông Phi.

A. Khu vực Bắc Phi.

**Câu 2.**Sự kiện được xem là mốc mở đầu cho phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Cách mạng Libi bùng nổ (1952).

B. Thắng lợi của phong trào cách mạng Angiêri (1962).

C. Cuộc binh biến của sĩ quan, binh lính yêu nước ở Ai Cập (1952).

D. Thắng lợi của phong trào cách mạng ở Tuynidi (1956).

**Câu 3.**Vì sao năm 1960 được lịch sử ghi nhận là “Năm châu Phi” ?

A. Đây là năm có 17 nước ở châu Phi giành được quyền tự trị.

B. Đây là năm có 27 nước Tây và Nam Phi giành được độc lập.

C. Đây là năm có 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.

D. Đây là năm có 37 nước ở châu Phi giành được độc lập.

**Câu 4.** Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phỉ cơ bản bị tan rã khi

A. cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Angiêri thắng lợi (1962).

B. cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha của nhân dân Ănggôla, Môdămbích giành thắng lợi (1975).

C. nhân dân Nam Rôđêdia thành lập nước Cộng hòa Dimbabuê (1980).

D. chính quyền Nam Phi phải trao trả độc lập cho Namibia (1990).

**Câu 5.**Hình thức đấu tranh phổ biến của cách mạng châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là :

A. đấu tranh ngoại giao.

B. đấu tranh quân sự

C. đấu tranh chính trị.

D. đấu tranh vũ trang.

**Câu 6.** Quốc gia mở đầu phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi trong những năm 50 của thế kỉ XX là

A. Ai Cập.

B. MaRốc.

C. Xuđăng.

D. Môdămbích.

**Câu 7.**Tổng thống người da đen đầu tiên của nước Cộng hòa Nam Phi là

A. Nenxơn Manđêla.       B. Catada.

C. Phiđen Cátxtơrô.       D. Nenxơn Cácxô.

**Câu 8.** Kẻ thù chủ yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là

A. chủ nghĩa thực dân cũ.

B. chủ nghĩa thực dân mới.

C. chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai.

D. chính quyền độc tài thân Mĩ.

**Câu 9.**Hình ảnh "Lục địa bùng cháy" chỉ hiện tượng gì ở Mĩ Latinh ?

A. Sự bùng nổ của phong trào bãi công của công nhân Mĩ Latinh.

B. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh.

C. Cuộc nổi dậy của nông dân đòi ruộng đất ở nhiều nước Mĩ Latinh.

D. Một loạt nước Mĩ Latinh giành được độc lập.

**Câu 10.** Điểm nổi bật của tình hình Mĩ Latinh ở đầu thế kỉ XX là :

A. rất nhiều nước Mĩ Latinh đã giành được độc lập.

B. Mĩ Latinh vẫn nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

C. Mĩ Latinh đã trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mĩ.

D. cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Mĩ Latinh bước vào giai đoạn ác liệt nhất.

**Câu 11.** Sự khác biệt căn bản của phong trào đấu tranh cách mạng ở châu Phi và Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. châu Phi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ, Mĩ Latinh đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới.

B. châu Phi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới, khu vực Mĩ Latinh đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ.

C. hình thức đấu tranh chủ yếu ở châu Phi là khởi nghĩa vũ trang, ở Mĩ Latinh là đấu tranh chính trị.

D. lãnh đạo cách mạng ở châu Phi là giai cấp vô sản, Mĩ Latinh là giai cấp tư sản dân tộc.

**Câu 12.**Chế độ phân biệt chủng tộc Apácthai ở Nam Phi là

A một chế độ phân biệt đấng cấp hết sức nghiệt ngã.

B. một biến tướng của chủ nghĩa thực dân.

C. một biểu hiện của chế độ độc tài chuyên chế.

D. một chế độ chiếm nô khắc nghiệt.

**Câu 13.**Từ những thập niên đầu của thế kỉ XX, các nước Mĩ Latinh rơi vào vòng lệ thuộc của

A. thực dân Anh.

B. đế quốc Mĩ.

C. thực dân Pháp.

D. đế quốc Nhật.

**Câu 14.** Nước nào đã giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ năm 1959 ?

A. Goatômaia.

B. Áchentina.

C. Vênêxuêla.

D. Cuba.

**Câu 15.**Những năm 60, Mĩ đã sử dụng chiêu bài gì để lôi kéo các nước Mĩ Latinh ?

A. Đề xướng tư tưởng “Châu Mĩ của người Châu Mĩ”.

B. Đề cao khẩu hiệu dân chủ, dân quyền, tự do tín ngưỡng.

C. Thành lập tổ chức “Liên minh vì tiến bộ”.

D. Đề cao vấn đề nhân quyền và dân quyền.

**Câu 16.**Những nước nào dưới đây là nước công nghiệp mới ?

A. Chi-lê, Braxin.

B. Mêhicô, Cuba.

C. Braxin, Áchentina.

D. Nicaragoa, Áchentina.

**Câu 17.** Lãnh tụ nào sau đây đã lãnh đạo nhân dân Cuba lật đổ chế độ độc tài thân Mĩ là

A. Hô-xê-mác-ti.

B. A-gien-đê.

C. Chê Ghê-va-na.

D. Phi-đen Cát-xtơ-rô.

**Câu 18.** Cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập ở các nước Mĩ La tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc đấu tranh

A. chống chế độ độc tài thân Mĩ.

B. chống chế độ tay sai Batixta.

C. chống chủ nghĩa thực dân cũ.

D. chống chế độ phân biệt chủng tộc của Mĩ.

**Câu 19.**Năm 1975 nhân dân các nước ở Châu Phi đã cơ bản hoàn thành công cuộc đấu tranh

A. đánh đổ nền thống trị chủ nghĩa thực dân cũ, giành độc lập dân tộc.

B. đánh đổ nền thống trị chủ nghĩa thực dân mới, giành độc lập dân tộc.

C0. đánh đổ nền thống trị chủ nghĩa thực dân cũ và chế độ A-pac-thai.

D. đánh đổ nền thống trị chủ nghĩa thực dân mới và chế độ A-pac-thai.

**Câu 20.** Khu vực Mĩ Latinh được xác định trong không gian nào ?

A. Trung và Nam Mĩ.

B. Nam Mĩ.

C. Phần lớn Bắc Mĩ, Trung Mĩ và Nam Mĩ.

D. Mêhicô, Trung Mĩ, Nam Mĩ và vùng biển Caribê.

**Câu 21.**Thắng lợi to lớn và gây ảnh hưởng sâu rộng đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trong giai đoạn 1960 - 1975 là thắng lợi của nhân dân

A. An-giê-ri.

B. Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la.

C. Dim-ba-bu-ê.

D. Nam Phi.

**Câu 22.**Phong trào đấu tranh cách mạng ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã biến khu vực này thành

A. “lục địa bùng cháy”.

B. “lục địa mới trỗi dậy”.

C. “sân sau của Mĩ”.

D. “lục địa ngủ kĩ”.

**Câu 23.** Sự kiện nào được đánh giá là tiêu biểu nhất và là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô.

B. Thắng lợi của cách mạng Ê-của-đo.

C. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba.

D. Thắng lợi của cách mạng Bra-xin.

**Câu 24.** Sự kiện Nenxơn Manđêla trở thành tổng thống Nam Phi (1994) đánh dấu

A. sự chấm dứt hoàn toàn chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

B. sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

C. sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

D. sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.

**Câu 25.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ dùng ưu thế gì để biến Mĩ Latinh thành “sân sau” của mình?

A. Ưu thế về vị trí địa lý.

B. Ưu thế về vũ khí hạt nhân.

C. Ưu thế về kinh tế và quân sự.

D. Ưu thế về kinh tế - tài chính.

**Câu 26.**Khác với châu Á và châu Phi, từ đầu thế kỉ XIX, nhiều nước Mĩ Latinh đã sớm giành được độc lập dân tộc từ tay thực dân

A. Anh và Hà Lan.

B. Pháp và Tây Ban Nha.

C. Anh và Mĩ.

D. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

**Câu 27.**Chế độ độc tài Batixta được thiết lập ở Cuba năm 1952 là

A. chế độ độc tài chuyên chế.

B. chế độ độc tài thân Mĩ.

C. tay sai của thực dân Anh.

D. tay sai của thực dân Bồ Đào Nha.

**Câu 28.** Phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến

A. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apácthai bị xóa bỏ hoàn toàn.

B. hệ thống thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sụp đổ hoàn toàn.

C. chính quyền dân chủ tư sản ở nhiều nước bị lật đổ, các nhà nước vô sản được thiết lập.

D. chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.

**Câu 29.** Trước thế kỉ XIX, các nước ở Mĩ Latinh chịu sự thống trị của những đế quốc nào?

A. Bồ Đào Nha và Mĩ.

B. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

C. Anh và Hà Lan.

D. Tây Ban Nha và Pháp.

**Câu 30.** Kẻ thù của nhân dân các nước Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. chế độ phân biệt chủng tộc.

B. chủ nghĩa thực dân cũ.

C. chủ nghĩa thực dân mới.

D. giai cấp địa chủ phong kiến.

**Câu 31.** Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mĩ La-tinh chủ yếu diễn ra dưới hình thức nào?

A. Bãi công của công nhân.

B. Đấu tranh chính trị.

C. Đấu tranh vũ trang.

D. Biểu tình của nông dân.

**Câu 32.** Lực lượng lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. địa chủ phong kiến.

B. quý tộc.

C. tư sản dân tộc và vô sản.

D. vô sản và nông dân

**Câu 33.** Quốc gia được mệnh danh là "Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mĩ La-tinh" sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Ac-hen-ti-na         B. B-ra-xin

C. Cu-ba                D. Mê-hi-cô

**Câu 34.** Phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ănggôla và Môdămbích sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhằm đánh đổ ách thống trị của

A phát xít Nhật

B. phát xít Italia

C. thực dân Tây Ban Nha

D. thực dân Bồ đào Nha

**Câu 35.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ thành lập các chế độ độc tài ở Mĩ Latinh nhằm biến khu vực này thành

A. “sân sau”.

B. đồng minh.

C. thuộc địa duy nhất.

D. căn cứ quân sự duy nhất.

**36.** Mĩ Latinh được gọi là “lục địa bùng cháy” từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai vì

A. ở đây thường xuyên xảy ra cháy rừng.

B. ở đây có nhiều núi lửa hoạt động.

C. cách mạng Cuba bùng nổ mạnh mẽ ở khu vực này.

D. khởi nghĩa vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở khu vực này.

**Câu 37.** Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là

A Chủ nghĩa Apác thai

B. Chủ nghĩa thực dân cũ

C. Chủ nghĩa thực dân mới

D. Chủ nghĩa thực dân cũ và mới

**Câu 38.** Sự kiện Nenxơn Manđêla trở thành tổng thống Nam Phi (1994) có ý nghĩa như thế nào?

A. Đánh dấu sự chấm dứt của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi.

B. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

C. Đánh dấu sự bình đẳng của các dân tộc, màu da trên thế giới.

D. Đánh dấu sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 39.** Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ hai chịu ảnh hưởng nhiều nhất của các nước nào ở châu Á?

A Việt Nam, Lào, Campuchia.

B. Trung Quốc, Ấn độ.

C. Việt Nam, Trung Quốc.

D. Trung Quốc, Ấn Độ và Philíppin.

**Câu 40.** Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

A chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.

B. chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của CNTD.

C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của CNTD

D. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với CNTD

**Câu 41.** Cách mạng Cuba và cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm gì tương đồng?

A. Chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

B. Chống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.

C. Xóa bỏ tàn dư của chế độ phong kiến.

D. Đấu tranh thống nhất đất nước.

**----------------------------------------------------------**

**BÀI 7. NƯỚC MĨ**

**Câu 1.** Khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành

A. trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

B. nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

C. một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

D. trung tâm kinh tế - tài chính thứ hai thế giới.

**Câu 2.**Dấu hiệu nào chứng tỏ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới?

A. Sản lượng công nghiệp chiếm gần 40% tổng sản lượng công nghiệp thế giới.

B. Kinh tế Mĩ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

C. Sản lượng nông nghiệp bằng hai lần Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật, Italia cộng lại.

D. Chiếm hơn 50% số lượng tàu bè đi lại trên mặt biển.

**Câu 3.**Yếu tố nào **không** phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.

B. Vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách và điều tiết nền kinh tế.

C. Chính sách mới của Tổng thống Rudơven đã phát huy tác dụng trên thực tế.

D. Áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật vào trong sản xuất.

**Câu 4.**Một thành tựu lớn của kinh tế Mĩ trong những năm 1945 – 1973 chứng tỏ Mĩ đã rất thành công khi tiến hành cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp là

A. sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm 40% sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

B. công nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh.

C. kinh tế Mĩ chiếm 25% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

D. sản lượng nông nghiệp bằng hai lần Anh, Pháp, Nhật Bản, Tây Đức và Italia cộng lại.

**Câu 5.**Nhận định nào dưới đây về thành tựu khoa học - kĩ thuật của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là sai ?

A. Mĩ là nước tiên phong trong việc chế tạo công cụ sản xuất mới.

B. Mĩ là nước tiên phong trong việc tìm ra những vật liệu mới.

C. Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp.

D. Mĩ là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

**Câu 6.**Tên các vị tổng thống Mĩ từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là

A. Truman, Aixenhao, Kennơđi, Giônxơn, Níchxơn.

B. Rudơven, Aixenhao, Kennơđi, Giônxơn, Níchxơn.

C. Truman, Rigân, Giônxơn, Níchxơn, Pho.

D. Truman, Aixenhao, Giônxơn, Níchxơn, Biđen.

**Câu 7.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chính sách đối ngoại của Mĩ thể hiện tham vọng:

A. xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ ở châu Mĩ.

B. xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ ở châu Á - Thái Bình Dương.

C. xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ trên toàn cầu.

D. xác lập vai trò lãnh đạo của Mĩ ở châu Âu.

**Câu 8.**Mục tiêu nào của Mĩ trong “Chiến lược toàn cầu” được áp dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.

B. Khống chế, chi phối các nước Tư bản chủ nghĩa khác.

C. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.

D. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mĩ trên toàn cầu.

**Câu 9.**Mĩ đã làm gì để thực hiện Chiến lược toàn cầu trong những năm 1945 - 1973?

A. Tạo áp lực quân sự, buộc các nước tư bản sau chiến tranh phải phục tùng Mĩ.

B. Cùng với Anh, Pháp chiến đấu bảo vệ hệ thống thuộc địa cũ trên thế giới.

C. Hợp tác kinh tế với các nước tư bản đồng minh.

D. Phát động cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô.

**Câu 10.**Một trong những nguyên nhân khiến kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai lầ

A. áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.

B. chi phí cho quốc phòng thấp nên có điều kiện phát triển kinh tế.

C. hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ tổ chức khu vực.

D. hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức quân sự với đồng minh.

**Câu 11.**Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước.

B. Hợp tác toàn diện với các nước đồng minh.

C. Các tập đoàn tư bản có sức cạnh tranh cao.

D. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên dồi dào.

**Câu 12.**Đặc điểm nổi bật của kinh tế Mĩ trong thập niên 70 của thế kỉ XX là

A. kinh tế khá ổn định, tốc độ tăng trưởng cao.

B. lâm vào khủng hoảng, suy thoái kéo dài.

C. thất bại trong cuộc Chiến tranh ô tô với Nhật Bản.

D. thất bại trong cuộc chạy đua với Nhật.

**Câu 13.**Tổng thống nào của Mĩ đã phát động Chiến tranh lạnh?

A. Aixenhao       B. Truman

C. Kennơdi       D. Nichxơn

**Câu 14.**Một trong những nguyên nhân khiến Xô - Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh là

A. cuộc chạy đua vũ trang giữa hai nước đang đưa nhân loại đứng trước thảm họa chiến tranh hạt nhân.

B. phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước giành được thắng lợi lớn, âm mưu của Mĩ trong chiến lược toàn cầu đã thất bại.

C. Liên Xô và Mỹ cần ổn định để củng cố vị thế của mình.

D. chủ nghĩa xã hội đã từng bước sụp đổ ở Đông Âu.

**Câu 15.**Tình hình kinh tế Mĩ trong thập niên 80 của thế kỉ XX là :

A. tiếp tục suy giảm so với thập niên 70.

B. đã được phục hồi và phát triển với tốc độ cao hơn bao giờ hết.

C. dù vẫn có những đợt suy thoái ngắn nhưng vẫn chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế toàn cầu.

D. đã phục hồi và phát triển trở lại, nhưng tỉ trọng trong nền kinh tế thế giới đã giảm sút nhiều.

**Câu 16.** Trong thập niên 90 của thế kỉ XX, kinh tế Mĩ

A. phát triển nhanh chóng.

B. lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.

C. trải qua một số đợt suy thoái ngắn.

D. phát triển “thần kì”.

**Câu 17.**Tham vọng thiết lập trật tự thế giới “đơn cực” của Mĩ trong thời kì hậu Chiến tranh lạnh dựa trên cơ sở nào?

A. Các nước đồng minh Anh, Pháp ủng hộ Mĩ thiết lập trật tự “đơn cực”.

B. Mĩ là nước đứng đầu thế giới về kinh tế, quân sự, khoa học - kĩ thuật.

C. Liên Xô sụp đổ, Mĩ không còn đối thủ lớn trên trường quốc tế.

D. Hầu hết các nước mong muốn dựa vào Mĩ để phát triển kinh tế.

**Câu 18.**Chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Mĩ do ai đề xướng?

A. R. Rigân       B. G. Bush

C. B. Clinton          D. Pho

**Câu 19.** Chiêu bài mà Mĩ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác được đề ra trong chiến lược "Cam kết và mở rộng" là gì ?

A. Tự do tín ngưỡng.

B. Ủng hộ độc lập dân tộc.

C. Thúc đẩy dân chủ.

D. Chống chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 20.**Cuộc khủng bố ngày 11/9/2001 ở nước Mĩ cho thấy

A. nước Mĩ cũng rất dễ bị tổn thương.

B. Chiến tranh lạnh chưa hoàn toàn chấm dứt.

C. ảnh hưởng tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa.

D. sự suy yếu của lực lượng quân sự Mĩ.

**Câu 21.**Trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã xuất hiện trung tâm kinh tế - tài chính nào?

A. Tây Âu.

B. Nhật Bản.

C. Liên Xô.

D. Mĩ.

**Câu 22.** Nguyên nhân cơ bản nhất khiến kinh tế của Mĩ phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào trong sản xuất.

B. lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú.

C. trình độ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.

D. thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

**Câu 23.**Đặc điểm nổi bật nhất của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Vị trí kinh tế của Mĩ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.

B. Mĩ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.

C. Kinh tế phát triển nhanh nhưng không ổn định.

D. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

**Câu 24.**Nội dung nào **không** phản ánh mục tiêu của chiến lược toàn cầu mà Mĩ đề ra sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Phát động Chiến tranh lạnh với Liên Xô.

B. Ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh.

**Câu 25.**Thất bại nặng nề nhất của Mĩ trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu là

A. thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.

B. thắng lợi của cách mạng Cu - ba năm 1959.

C. thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I - ran năm 1979.

D. thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.

**Câu 26.** Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất trên thế giới trong thời gian nào?

A. Từ năm 1945 đến năm 1975.

B. Từ năm 1918 đến năm 1945.

C. Từ năm 1950 đến năm 1980.

D. Từ năm 1945 đến năm 1960.

**Câu 27.** Nguyên nhân cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. sự quản lí có hiệu quả của Nhà nước.

B. tài nguyên thiên nhiên phong phú, lãnh thổ rộng lớn.

C. áp dụng thành tựu cách mạng khoa học - kĩ thuật.

D. tập trung sản xuất và tư bản cao.

**Câu 28.**Từ thời điểm nào, kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới?

A. Những năm 60 của thế kỉ XX.

B. Những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Những năm 80 của thế kỉ XX.

D. Những năm 90 của thế kỉ XX.

**Câu 29.** Quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. Mĩ.

B. Liên Xô.

C. Nhật Bản.

D. Đức.

**Câu 30.**Nội dung nào không phản ánh đúng thành tựu khoa học – kĩ thuật mà Mĩ đạt được trong những năm 1945 – 1973?

A. Đi đầu thế giới trong chế tạo công cụ sản xuất mới.

B. Đi đầu thế giới trong lĩnh vực chế tạo vật liệu mới.

C. Đi đầu cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

D. Đi đầu thế giới trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ.

**Câu 31.** Nội dung nào **không** phản ánh nguyên nhân khiến kinh tế Mĩ bị suy giảm từ thập niên 70 của thế kỉ XX trở đi?

A. Sự cạnh tranh Nhật Bản và các nước Tây Âu.

B. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973.

C. Chạy đua vũ trang với Liên Xô trong Chiến tranh lạnh.

D. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.

**Câu 32.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, để thực hiện âm mưu bá chủ thế giới, Mĩ đã triển khai chiến lược nào dưới đây?

A. Chiến lược toàn cầu.

B. Chiến lược công nghiệp hóa.

C. Chiến lược toàn cầu hóa.

D. Chiến lược đa phương hóa.

**Câu 33.**Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thời gian nào?

A. Những năm đầu thế kỉ XX.

B. Giữa những năm 40 của thế kỉ XX.

C. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918).

D. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945).

**Câu 34.**Nước nào đưa con người lên Mặt Trăng đầu tiên (7 - 1969)?

A .Mĩ             B. Nhật             C.Liên Xô             D. Trung Quốc

**Câu 35.**Những thành tựu chủ yếu về khoa học - kĩ thuật của Mĩ là gì?

A. Tìm ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, tìm ra những vật liệu mới.

B. Thực hiện "Cuộc cách mạng xanh" trong nông nghiệp, trong giao thông thông tin liên lạc, chinh phục vũ trụ,...

C. Sản xuất được những vũ khí hiện đại.

D. Tất cả các vấn đề trên.

**Câu 36.** Mĩ đã ban hành hàng loạt đạo luật phản động trong đó có đạo luật Táp-Hác-Lây nhằm mục đích gì?

A. Thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc.

B. Chống phong trào công nhân và Đảng Cộng sản Mĩ hoạt động.

C. Chống sự nổi loạn của thế hệ trẻ.

D. Đối phó với phong trào đấu tranh của người da đen.

**Câu 37.**Điểm giống nhau trong chính sách đổi ngoại của các đời Tổng thống Mĩ là gì?

A. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".

B. "Chiến lược toàn cầu hoá”.

C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

D. "Chiến lược lấp chỗ trống".

**Câu 38.**Nội dung "Chiến lược toàn cầu" của Mĩ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

A. Ngăn chặn, đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước Xã hội chủ nghĩa.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đông minh của Mĩ.

C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

D. Tất cả các vấn đề trên.

**Câu 39.**"Chính sách thực lực" của Mĩ là gì?

A. Chính sách xâm lược thuộc địa.

B. Chạy đua vũ trang với Liên Xô.

C. Chính sách dựa vào sức mạnh của Mĩ.

D. Thành lập các khối quân sự.

**Câu 40.** Đời tổng thống nào của Mĩ gắn liền với việc mở đầu "Chiến lược toàn cầu" phản cách mạng?

A. Tơ-ru-man         B. Ken-nơ-đi

C. Ai-xen-hao         D. Giôn-xơn

**Câu 41.**Trong các liên minh quân sự dưới đây, liên minh nào không phải do Mĩ lập nên?

A. Khối NATO         B. Khối VACSAVA

C. Khối SEATO         D. Cả ba khối trên.

**Câu 42.**Khối quân sự NATO do Mĩ cầm đầu còn gọi là khối gì?

A. Khối phòng thủ Nam Đại Tây Dương.

B. Khối phòng thủ Bắc Đại Tây Dương.

C. Khối phòng thủ Đông Đại Tây Dương.

D. Khối phòng thủ Tây Nam Đại Tây Dương.

**Câu 43.**"Chính sách thực lực" và “Chiến lược toàn cầu" của đế quốc Mĩ bị thất bại nặng nề nhất ở đâu?

A. Triều Tiên         B. Việt Nam

C. Cu-ba             D. I-rắc

**Câu 44.** Mục tiêu nào của Mĩ trong chiến lược toàn cầu được áp dụng ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.

B. Khống chế, chi phối các nước tư bản chủ nghĩa khác.

C. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.

D. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mĩ trên toàn cầu.

**Câu 45.** Tổng thống nào của Mĩ đã phát động cuộc Chiến tranh lạnh?

A. Aixenhao.

B. Truman.

C. Kennơđi.

D. Níchxơn.

**Câu 46.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ thực hiện chính sách đối ngoại như thế nào?

A. Triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.

B. Thực hiện chính sách hòa bình, hợp tác với các nước trên thế giới.

C. Thực hiện chính sách hòa bình, trung lập tích cực.

D. Chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh thế giới mới.

**Câu 47.** Nguồn lợi nhuận mà Mĩ thu được trong Chiến tranh thế giới thứ hai chủ yếu là từ

A. việc cho các nước tư bản vay nặng lãi.

B. việc cho thuê các căn cứ quân sự ở nước ngoài.

C. chiến lợi phẩm sau khi đánh bại các nước phát xít.

D. buôn bán vũ khí cho các bên tham chiến.

**Câu 48.** Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ có lợi thế gì về vũ khí so với các quốc gia khác?

A. Nắm độc quyền vũ khí nguyên tử.

B. Chế tạo ra được nhiều vũ khí.

C. Có nhiều tàu ngầm.

D. Nhiều hạm đội trên biển.

**Câu 49.** Năm 1972, Mĩ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô vì

A. muốn bình thường hóa mối quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô.

B. muốn hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

C. muốn thay đổi chính sách đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa.

D. muốn mở rộng các nước đồng minh để chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

**Câu 50.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình nước Mĩ trong 20 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng.

B. Trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất của thế giới.

C. Kinh tế Mĩ vượt xa Tây Âu và Nhật Bản.

D. Kinh tế Mĩ chịu sự cạnh tranh gay gắt của Tây Âu và Nhật Bản.

**Câu 51.** Đặc điểm nổi bật của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. phát triển nhanh và luôn giữ vững địa vị hàng đầu về mọi mặt.

B. bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh gay gắt.

C. phát triển nhanh, nhưng thường xen kẽ với những cuộc suy thoái.

D. phát triển, sau đó lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng khó khắc phục.

**Câu 52.** Yếu tố quan trọng nhất làm thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mĩ khi bước sang thế kỉ XXI là

A. chủ nghĩa khủng bố.

B. chủ nghĩa li khai.

C. sự suy thoái về kinh tế

D. xung đột sắc tộc, tôn giáo.

**Câu 53.** Từ những năm 80 trở đi, mối quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô chuyển sang đối thoại và hòa hoãn vì

A. phong trào giải phóng dân tộc đã bị cô lập.

B. địa vị kinh tế, chính trị của Mĩ và Liên Xô bị suy giảm.

C. kinh tế của Tây Âu và Nhật Bản đang vượt trước Mĩ và Liên Xô.

D. Mĩ đã chấm dứt các cuộc chạy đua vũ trang.

**Câu 54.** Nhận xét về chính sách đối ngoại của Mĩ qua các đời Tổng thống từ năm 1945 đến năm 2000?

A. Hình thức thực hiện khác nhau, nhưng có cùng tham vọng bá chủ thế giới.

B. Tiến hành chạy đua vũ trang và chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và khống chế các nước đồng minh.

D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và chống lại chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 55.** Liên minh quân sự nào dưới đây **không** có sự tham gia của Mĩ?

A. Khối NATO.

B. Khối VACSAVA.

C. Khối SEATO.

D. Khối CENTO.

**Câu 56.** Cơ sở quyết định để Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mĩ

B. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.

C. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mĩ khống chế

D. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

**Câu 57.** Từ sự phát triển của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, có thể rút ra bài học gì cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay?

A. Tăng cường vai trò của các công ty độc quyền.

B. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

C. Tranh thủ buôn bán vũ khí để thu lợi nhuận.

D. Khai thác một cách tối đa tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế.

**Câu 58.** Nguyên nhân chính khiến kinh tế Mĩ lâm vào khủng hoảng và suy thoái trong những năm 1973 - 1982 là do

A. tăng cường chạy đua vũ trang với Liên Xô.

B. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973.

C. khủng hoảng tiền tệ trong hệ thống chủ nghĩa tư bản.

D. chi phí nhiều cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

**Câu 59.** Ngày 11 – 7 – 1995 đánh dấu sự kiện gì trong quan hệ đối ngoại của chính phủ Mĩ?

A. Xô – Mĩ chấm dứt Chiến tranh lạnh

B. Bình thường hóa quan hệ với Việt Nam

C. Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc

D. Bình thường hóa quan hệ với Cuba

**Câu 60.** Trong giai đoạn 1973 – 1982, kinh tế Mĩ có đặc điểm gì nổi bật?

A. Phát triển nhanh chóng, đứng đầu thế giới.

B. Lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái kéo dài.

C. Phát triển xen lẫn với khủng hoảng.

D. Phát triển chậm chạp xen kẽ với các cuộc khủng hoảng.

**Câu 61.** Nội dung nào sau đây **không** nằm trong chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Tổng thống Mĩ B.Clin-tơn?

A. Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao.

B. Tăng cường phát triển khoa học - kĩ thuật quân sự, bảo đảm tính hiện đại về vũ trang.

C. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.

D. Sử dụng khẩu hiệu "Thúc đẩy dân chủ" để can thiệp vào nội bộ của nước khác.

**Câu 62.** Trong những năm 90 của thế kỉ XX, khoa học kĩ thuật Mĩ

A. nắm độc quyền phát minh sáng chế trên thế giới.

B. chiếm 1/2 số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.

C. chiếm toàn bộ phát minh sáng chế trên thế giới.

D. chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.

**Câu 63.** Trong những năm 90 của thế kỉ XX, kinh tế Mĩ

A. chiếm 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

B. lâm vào cuộc khủng hoảng, suy thoái kéo dài.

C. vẫn đứng đầu thế giới.

D. tụt xuống hàng thứ hai thế giới.

----------------------------------------------------------

**BÀI 8. TÂY ÂU**

**Câu 1.**Một trong số những chính sách đối ngoại mà các nước Tây Âu thực hiện ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. củng cố và phát triển mối quan hệ hợp tác trong khu vực.

B. đấu tranh chống lại sự ảnh hưởng của Mĩ ở châu Âu.

C. tìm cách trở lại các thuộc địa trước đây của mình.

D. gây Chiến tranh lạnh với các nước Đông Âu.

**Câu 2.** Nội dung nào phản ánh tình hình kinh tế Tây Âu trong những năm 1945 - 1950?

A. Kinh tế lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

B. Kinh tế tăng trưởng xen kẽ với khủng hoảng.

C. Kinh tế được phục hồi và đạt nước trước chiến tranh.

D. Kinh tế tăng trưởng nhanh chóng.

**Câu 3.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thái độ của các nước tư bản Tây Âu về vấn đề độc lập dân tộc ở các thuộc địa như thế nào ?

A. Đa số ủng hộ việc công nhận nền độc lập của các nước thuộc địa.

B. Tìm cách thiết lập chế độ thuộc địa kiểu mới đối với các nước thế giới thứ ba.

C. Tìm cách thiết lập trở lại ách thống trị trên các thuộc địa của mình trước đây.

D. Ủng hộ việc công nhận quyền tự trị của các thuộc địa.

**Câu 4.**Mục đích của Mĩ trong "Kế hoạch Mác - san" là :

A. Giúp đỡ các nước tư bản trên thế giới phục hồi lại nền kinh tế sau chiến tranh.

B. Củng cố sức mạnh của hệ thống tư bản chủ nghĩa trên thế giới.

C. Phục hồi sức mạnh quân sự Đức, biến Đức trở thành một tiền đồn chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản từ Đông sang Tây.

D. Thông qua viện trợ kinh tế để xác lập ảnh hưởng, sự khống chế của Mĩ đối với các nước tư bản đồng minh.

**Câu 5.**Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới từ khi nào?

A. Thập niên 50 của thế kỉ XX.

B. Thập niên 60 của thế kỉ XX.

C. Thập niên 70 của thế kỉ XX.

D. Thập niên 80 của thế kỉ XX.

**Câu 6.**Một trong những nhân tố thúc đẩy sự phát triển mạnh của kinh tế Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản từ năm 1950 đến năm 1973 là :

A. tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào.

B. sự hợp tác có hiệu quả trong tổ chức khu vực.

C. tranh thủ được nguồn viện trợ lớn từ bên ngoài.

D. vai trò quản lí, điều tiết kinh tế của nhà nước.

**Câu 7.** Trong những năm 1950 - 1973, nước Tây Âu nào đã thực hiện đường lối đối ngoại độc lập với Mĩ ?

A. Anh

B. Pháp.

C. Italia.

D. Cộng hoà Liên bang Đức.

**Câu 8.**Thành công của các nước Tây Âu sau 5 năm khôi phục kinh tế - xã hội 1945 – 1950 là

A. xóa bỏ được ảnh hưởng của Mĩ đối với khu vực.

B. khai thác được nguồn nguyên vật liệu, nhân công rẻ của các nước thế giới thứ ba.

C. cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

D. trở thành một trong ba trung tâm kinh tế thế giới.

**Câu 9.**Nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu trong những năm1950 - 1973 là :

A. tích cực đấu tranh hạn chế ảnh hưởng của Mĩ ở Tây Âu.

B. thống nhất mục tiêu xây dựng EU thành mái nhà chung của châu Âu.

C. nhiều nước một mặt tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ, một mặt đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ ngoại giao.

D. nỗ lực thiết lập trở lại ách thống trị ở các thuộc địa cũ đã bị mất trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

**Câu 10.**Nước nào dưới đây đã từng ủng hộ cuộc chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam (1954 – 1975)?

A. Anh.          B. Đông Đức.

C. Thuỵ Điển.       D. Phần Lan

**Câu 11.** Đến đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, Tây Âu đã trở thành

A. một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

B. khối kinh tế tư bản đứng thứ hai thế giới.

C. tổ chức liên kết kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh.

D. trung tâm công nghiệp – quốc phòng lớn của thế giới.

**Câu 12.**Nét nổi bật của tình hình kinh tế Tây Âu từ năm 1991 đến năm 2000 là

A. trải qua một cơn suy thoái ngắn, sau đó phục hồi và phát triển trở lại.

B. lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái kéo dài.

C. bước đầu phục hồi và phát triển nhờ chính sách viện trợ của Mĩ.

D. phát triển nhanh chóng và trở thành trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.

**Câu 13.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Anh xếp sau các nước nào trong khối tư bản chủ nghĩa?

A. Mĩ, Nhật Bản, Tây Đức, Pháp.

B. Mĩ, Nhật Bản, Hà Lan, Pháp.

C. Mĩ, Nhật Bản, Pháp.

D. Mĩ, Nhật Bản, Tây Đức.

**Câu 14.**Sự điều chỉnh đường lối đối ngoại của các nước Tây Âu từ sau năm 1991 xuất phát từ bối cảnh lịch sử nào?

A. Sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc.

B. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần hai đã bắt đầu.

C. Sự trỗi dậy của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

D. Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự Ianta hoàn toàn tan rã.

**Câu 15.**Nước nào dưới đây **không** thuộc nhóm các nước sáng lập “Cộng đồng than – thép châu Âu”?

A. Anh.         B. Cộng hòa Liên bang Đức.

C. Bỉ.         D. Hà Lan.

**Câu 16.** Quá trình phát triển hợp tác khu vực của các nước Tây Âu có thể diễn đạt bằng sơ đồ nào dưới đây ?

A. EEC ⇒ EU ⇒EC.

B. EC ⇒ EEC ⇒EU.

C. EEC ⇒ EC ⇒EU.

B. EU ⇒ EEC ⇒EC.

**Câu 17.**Đến năm 1993, Liên minh châu Âu có bao nhiêu thành viên ?

A. 6 thành viên.             B. 10 thành viên.

C. 15 thành viên.            D. 25 thành viên.

**Câu 18.**Đồng tiền chung châu Âu (EURO) chính thức được đưa vào sử dụng ở nhiều nước EU từ khi nào?

A. Năm 1999.             B. Năm 2000.

C. Năm 2001.            D. Năm 2002.

**Câu 19.** Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến cuối thế kỉ XX, quốc gia Tây Âu nào sau đây luôn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ?

A. Cộng hòa Dân chủ Đức.             B. Anh.

C. Pháp.            D. Phần Lan.

**Câu 20.**Liên minh châu Âu (EU) là tổ chức liên kết

A. chính trị - kinh tế.

B. kinh tế - văn hóa.

C. quân sự - kinh tế.

D. chính trị - quân sự.

**Câu 21.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước tư bản Tây Âu đã tham gia vào tổ chức quân sự nào do Mĩ đứng đầu?

A. VÁCSAVA.            B. NATO.             C.ASEAN.             D. EU.

**Câu 22.**Nguyên nhân khiến kinh tế Pháp phát triển nhanh chóng trong những năm 1950 – 1973 là

A. thu lợi nhuận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.

C. nhập được nguyên liệu từ các nước tư bản Tây Âu.

D. nhận viện trợ kinh tế của Mĩ theo "Kế hoạch Masan".

**Câu 23.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Pháp xếp sau các nước nào trong khối tư bản chủ nghĩa?

A. Mĩ, Nhật Bản, Tây Đức, Anh.

B. Mĩ, Nhật Bản, Hà Lan, Tây Đức.

C. Mĩ, Nhật Bản, Phần Lan, Tây Đức.

D. Mĩ, Anh, Áo, Tây Đức.

**Câu 24.**Từ năm 1950 đến 1973, bên cạnh việc cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa, các nước tư bản Tây Âu vẫn tiếp tục chủ trương

A. liên minh chặt chẽ với Mĩ.

B. mở rộng hợp tác với các nước Đông Bắc Á.

C. hợp tác với Liên Xô.

D. liên minh với các nước Đông Âu.

**Câu 25.** Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền công nghiệp của Tây Đức được phục hồi và phát triển nhanh chóng chủ yếu nhờ

A. ứng dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật.

B. Mĩ cho vay và đầu tư vào Tây Đức.

C. tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ.

D. quân sự hoá nền kinh tế sau chiến tranh.

**Câu 26.**Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, nước Đức tái thống nhất vào thời gian nào?

A. Năm 1989.             B. Năm 1990.

C. Năm 1991.            D. Năm 1992.

**Câu 27.**Nhật Bản và Tây Âu trở thành những trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới từ thời gian nào?

A. Từ năm những năm 50 của thế kỉ XX.

B. Từ năm những năm 60 của thế kỉ XX.

C. Từ năm những năm 70 của thế kỉ XX.

D. Từ năm những năm 80 của thế kỉ XX.

**Câu 28.** Việt Nam có thể học tập được gì từ bài học từ sự phát triển kinh tế của Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Vay mượn nhiều vốn đầu tư từ bên ngoài.

B. Quan hệ mật thiết với Mỹ để nhận viện trợ.

C. Tranh thủ mua nguyên liệu giá rẻ từ châu Âu.

D. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại.

**Câu 29.** Kế hoạch Mác-san mà Mĩ đề ra năm 1947 còn được gọi là

A. Kế hoạch phục hưng châu Âu.

B. Kế hoạch khôi phục Đông Âu.

C. Kế hoạch phục hưng nước Mĩ.

D. Kế hoạch khôi phục nước Mĩ.

**Câu 30.**Mục đích chính của các nước Tây Âu khi nhận viện trợ của Mĩ ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. để phục hồi và phát triển kinh tế.

B. muốn trở thành đồng minh của Mĩ.

C. để xâm lược các quốc gia khác.

D. cạnh tranh với Liên Xô.

**Câu 31.** Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra vào tháng 4-1949 nhằm

A. chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

C. chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

D. chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc.

**Câu 32.**Sau khi nước Đức phát xít đầu hàng, bốn nước nào sau đây đã phân chia lãnh thổ nước Đức thành bốn khu vực để chiếm đóng và kiểm soát?

A. Mĩ, Anh, Pháp, Nhật.

B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp.

C. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản.

D. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh.

**Câu 33.**Các thành viên đầu tiên của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) bao gồm

A. Anh, Pháp, Tây Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan.

B. Anh, Pháp, Tây Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha.

C. Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

D. Pháp, Tây Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha.

**Câu 34.**Lí do chủ yếu khiến Mĩ và các nước phương Tây dồn sức viện trợ cho Tây Đức nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế sau chiến tranh là

A. để thúc đẩy quá trình hòa bình hoá hai nhà nước Đức ở châu Âu.

B. để Tây Đức có ưu thế so với Đông Đức về kinh tế - khoa học - quân sự.

C. để biến Tây Đức thành tâm điểm chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

D. để tạo điều kiện hợp nhất hai nhà nước Đức ở châu Âu.

**Câu 35.**Mối quan hệ Việt Nam – EU được chính thức thiết lập vào năm

A. 1990.       B.1991.       C. 1992.      D.1993.

**Câu 36.**Cộng hòa dân chủ Đức sáp nhập vào Cộng hoà Liên bang Đức vào thời gian nào?

A. 03 -09- 1990.       B. 03 - 10 - 1990.

C. 03 - 11 - 1990.        D. 03 - 12 - 1990.

**Câu 37.** Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời vào năm

A 1954        B.1955       C.1956       D.1957

**Câu 38.**Các thành viên đầu tiên của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) gồm

A. Anh, Pháp, Cộng hòa Liên Bang Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan.

B. Anh, Pháp, Cộng hòa Liên Bang Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha.

C. Pháp, Cộng hòa Liên Bang Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

D. Pháp, Cộng hòa Liên Bang Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha.

**Câu 39.** Tên gọi khác của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) là gì?

A. Cộng đồng kinh tế châu Âu.

B. Liên minh châu Âu.

C. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.

D. Cộng đồng châu Âu.

**Câu 40.** Về đối ngoại từ năm 1950 đến 1973, bên cạnh việc cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa, các nước tư bản Tây Âu vẫn tiếp tục chủ trương

A. liên minh chặt chẽ với Mĩ.

B. mở rộng hợp tác với các nước Đông Bắc Á.

C. hợp tác với Liên Xô.

D. liên minh với Cộng hòa Dân chủ Đức.

**Câu 41.** Chính sách đối ngoại chủ yếu của Tây Âu từ 1950 đến 1973 là gì?

A. Cố gắng đặt quan hệ với Nhật Bản.

B. Đa phương hóa trong quan hệ.

C. Liên minh hoàn toàn với Mỹ.

D. Rút khỏi khối quân sự NATO

**Câu 42.** Năm 1975, các nước Tây Âu tham gia Định ước Henxinki do

A. kinh tế Tây Âu lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

B. bức tường Béc lin đã sụp đổ.

C. Chiến tranh lạnh đã kết thúc.

D. tác động của sự hòa hoãn giữa Liên Xô và Mỹ.

**Câu 43.** Sở dĩ nói Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới giai đoạn 1950 đến 1970 là vì

A. Tây Âu có trình độ kinh tế, kĩ thuật đứng đầu thế giới.

B. Tây Âu có quan hệ hợp tác về kinh tế rộng rãi.

C. Tây Âu có trình độ khoa học - kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.

D. Tây Âu là nơi tập trung các trung tâm tài chính hàng đầu thế giới.

**Câu 44.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, điểm chung trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu là

A. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.

B. tiến hành chiến tranh tái chiếm thuộc địa.

C. chỉ liên minh chặt chẽ với Mĩ.

D. liên minh chặt chẽ với Nhật Bản.

**Câu 45.** Điểm tương đồng về nguyên nhân khiến kinh tế Tây Âu, Mỹ và Nhật Bản phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

B. gây chiến tranh xâm lược Việt Nam và Triều Tiên.

C. không chịu sự tàn phá của chiến tranh thế giới.

D. chi phí cho quốc phòng thấp nên có điều kiện phát triển kinh tế.

**Câu 46.** Các nước thế giới thứ ba có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của các nước Tây Âu trong những năm 1950 – 1973?

A. Là nơi đặt căn cứ quân sự của các nước Tây Âu.

B. Là nơi cung cấp nguyên liệu rẻ tiền cho các nước Tây Âu.

C. Là nơi cung cấp sức người cho sản xuất ở các nước Tây Âu.

D. Là thị trường tiêu thụ hàng hóa chủ yếu của các nước Tây Âu.

**Câu 47.** Trong quan hệ đối ngoại hiện nay, quốc gia nào ở Tây Âu là nước duy nhất còn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ?

A. Pháp.

B. Anh.

C. Italia.

D. Đức.

**Câu 48.** Nội dung nào phản ánh điểm mới trong quan hệ đối ngoại của các nước Tây Âu hiện nay?

A. Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, Phi, Mĩ Latinh, Đông Âu và SNG.

B. Tăng cường phụ thuộc vào Mĩ, mở rộng quan hệ với các nước tư bản.

C. Cố gắng hạn chế ảnh hưởng của Mĩ, mở rộng quan hệ với các nước khu vực Mỹ Latinh.

D. Mở rộng quan hệ với các nước tư bản phát triển, các nước Đông Âu.

**Câu 49.** Điểm giống nhau cơ bản về kinh tế của Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản từ những năm 50 của thế kỉ XX đến năm 2000 là

A. đều là trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới.

B. đều không chịu tác động của khủng hoảng kinh tế.

C. đều là siêu cường kinh tế của thế giới.

D. đều chịu sự cạnh tranh các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 50.** Việt Nam có thể học tập được gì từ bài học phát triển kinh tế của Tây Âu?

A. Vay mượn vốn đầu từ từ bên ngoài

B. Quan hệ mật thiết với Mỹ để nhận viện trợ.

C. Tranh thủ mua nguyên liệu giá rẻ từ châu Âu

D. Áp dụng thành tựu khoa học vào sản xuất

**Câu 51.** Mục đích của các nước Tây Âu khi nhận viện trợ của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. hồi phục, phát triển kinh tế.

B. trở thành Đồng minh duy nhất của Mĩ.

C. để xâm lược các quốc gia khác.

D. muốn cạnh tranh với Liên Xô.

**Câu 52.** EU chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào:

A. Năm 1989

B. Năm 1990

C. Năm 1995

D. Năm 1996

**Câu 53.** Mốc đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU) là:

A. các nước thành viên kí Định ước Henxinki (1975).

B. đồng tiền Euro được phát hành (1999).

C. kết nạp thêm 10 nước Đông Âu.

D. các nước thành viên kí Hiệp ước Maxtrich (1991).

**Câu 54.** Cộng đồng châu Âu ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức nào?

A. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu

B. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu

C. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu

D. Cộng đồng than – thép châu Âu, cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu, cộng đồng kinh tế châu Âu

**Câu 55.** Tên gọi khác của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) là

A. Cộng đồng kinh tế châu Âu.

B. Liên minh châu Âu.

C. Cộng đồng than – thép châu Âu.

D. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.

**Câu 56.** Nội dung nào **không** phải là nét tương đồng về sự hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Thành lập sau khi đã hoàn thành khôi phục kinh tế, trở thành những quốc gia độc lập, tự chủ, có nhu cầu liên minh, hợp tác.

B. Mục tiêu thành lập ban đầu là trở thành một liên minh quân sự, chính trị để thoát khỏi bị chi phối, ảnh hưởng từ các cường quốc bên ngoài.

C. Ban đầu khi mới hình thành chỉ có vài nước thành viên, về sau mở rộng ra nhiều nước.

D. Từ thập kỉ 90 của thế kỉ XX, trở thành khu vực năng động, có địa vị quốc tế cao.

**Câu 57.** Đến năm 2007 EU có bao nhiêu nước thành viên?

A. 10 nước

B. 25 nước

C. 27 nước

D. 29 nước

**Câu 58.** Nội dung nào sau đây **không** phải là bài học kinh nghiệm được rút ra từ sự phát triển kinh tế của các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai trong công cuộc phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay?

A. Tăng cường xuất khẩu công nghiệp phần mềm

B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động

C. Ứng dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật

D. Khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên

**Câu 59.** ASEAN có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì từ hiệu ứng “Brexít” ở châu Âu?

A. Tăng cường đoàn kết nội khối.

B. Đề ra đường lối đối ngoại đúng đắn.

C. Sử dụng khẩu hiệu “thúc đẩy dân chủ”.

D. Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới.

**Câu 60.** Cho các dữ liệu sau:

1. Tây Âu nhận viện trợ của Mĩ theo “Kế hoạch Mácsan”.

2. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu được thành lập.

3. Liên minh châu Âu ra đời.

4. Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới

Hãy sắp xếp các dữ kiện theo thứ tự thời gian các giai đoạn phát triển của Tây Âu sau năm 1945.

A. 3,1,4,2.      B. 1,3,4,2.

C. 1,2,4,3.      D. 4,1,3,2.

-------------------------------------------------

**BÀI 9. NHẬT BẢN**

**Câu 1.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng quân đội nước nào chiếm đóng Nhật Bản dưới danh nghĩa lực lượng Đồng minh ?

A. Anh.         B. Liên Xô.         C. Mĩ.         D. Pháp.

**Câu 2.**Trong thời gian chiếm đóng tại Nhật Bản, Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh đã làm gì ?

A. Thực hiện nhiều cải cách dân chủ về chính trị, kinh tế.

B. Xóa bỏ hoàn toàn bộ máy chính quyền ở Nhật Bản.

C. Bồi thường chiến phí cho các nước đã từng bị phát xít Nhật chiếm đóng.

D. Thực hiện dân chủ hoá nước Nhật, nhưng vẫn dung túng cho các thế lực quân phiệt hoạt động.

**Câu 3.** Nội dung nào phản ánh đúng tình hình Nhật Bản khi bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng trận và thu được nhiều lợi nhuận.

B. Thắng trận nhưng bị tàn phá nặng nề.

C. Bại trận nhưng thu được nhiều lợi nhuận.

D. Bại trận và bị tàn phá nặng nề.

**Câu 4.** Chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho bao nhiêu người Nhật rơi vào tình trạng thất nghiệp?

A. 12 triệu người.

B. 13 triệu người.

C. 14 triệu người.

D. 15 triệu người.

**Câu 5.** Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh **không** đã thi hành cải cách dân chủ nào ở Nhật Bản?

A. Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế.

B. Tiến hành cải cách ruộng đất.

C. Thông qua và thực hiện các đạo luật lao động.

D. Mua bằng phát minh sáng chế nước ngoài.

**Câu 6.** Trong những năm 1945 – 1950, Nhật Bản đã tiến hành cải cách ruộng đất như thế nào?

A. Địa chủ chỉ được giữ lại 3 ha ruộng đất, số còn lại chính phủ chia cho nông dân.

B. Chính phủ lấy toàn bộ ruộng đất của địa chủ đem bán cho nông dân với giá rẻ.

C. Địa chủ chỉ được giữ lại 3 ha ruộng đất, số còn lại chính phủ đem bán cho nông dân.

D. Chính phủ lấy toàn bộ ruộng đất của địa chủ, đất bỏ hoang chia cho nông dân.

**Câu 7.**Trong giai đoạn 1945 - 1950, tình hình Nhật Bản và các nước Tây Âu có gì đặc biệt ?

A. Bị chiến tranh tàn phá, kinh tế suy sụp nghiêm trọng.

B. Nền kinh tế lâm vào khủng hoảng suy thoái kéo dài.

C. Dựa vào viện trợ của Mĩ để khôi phục kinh tế.

D. Nền kinh tế bước vào thời kì phát triển mạnh mẽ nhất.

**Câu 8.** Khoa học – kĩ thuật của Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực

A. công nghiệp dân dụng.

B. công nghiệp hàng không vũ trụ.

C. công nghiệp phần mềm.

D. công nghiệp xây dựng.

**Câu 9.**Điểm tương đồng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Anh trong những năm 1950 - 1973 là :

A. Củng cố mối quan hệ với các nước lớn ở châu Á như Ấn Độ, Trung Quốc.

B. Đối đầu quyết liệt với Liên Xô và các nước Đông Âu.

C. Ủng hộ cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.

D. Tập trung xây dựng, củng cố mối quan hộ với các nước trong khối ASEAN.

**Câu 10.** Một trong những dấu hiệu chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX là

A. dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mĩ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ của thế giới.

B. trở thành chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, gấp 3 lần của Mĩ.

C. dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mĩ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.

D. trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần Cộng hòa Dân chủ Đức, gấp 3 lần của Mĩ.

**Câu 11.** Năm 1996 Mĩ và Nhật Bản đã khẳng định :

A. chấm dứt Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật.

B. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được gia hạn thêm 10 năm.

C. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được gia hạn thêm 20 năm.

D. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kéo dài vĩnh viễn.

**Câu 12.**Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, chính sách đối ngoại của Nhật Bản có điểm gì mới?

A. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Liên Xô trên mọi lĩnh vực.

B. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Ấn Độ trên mọi lĩnh vực.

C. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Đông Nam Á, tổ chức ASEAN trên mọi lĩnh vực.

D. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Trung Quốc trên mọi lĩnh vực.

**Câu 13.** Nội dung nào **không** phản ánh biện pháp của Chính phủ Nhật Bản nhằm thúc đẩy sự phát triển khoa học - kĩ thuật?

A. Coi trọng giáo dục vì "con người là công nghệ cao nhất".

B. Đầu tư lớn cho việc xây dựng các viện nghiên cứu.

C. Nhập kĩ thuật hiện đại, phương pháp sản xuất tiên tiến của nước ngoài.

D. Tận dụng chiến tranh để buôn bán vũ khí.

**Câu 14.** Một trong những nhân tố đóng vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của cả Mĩ lẫn Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. nhận được nguồn viện trợ lớn từ các nước Tây Âu.

B. vai trò lãnh đạo, quản lí của Nhà nước.

C. nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào.

D. lãnh thổ rộng lớn, nguồn nhân công dồi dào, trình độ cao.

**Câu 15.**Nhận định nào dưới đây về Nhật Bản ngày nay là **không** đúng ?

A. Là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

B. Là một cường quốc hạt nhân.

C. Là một nước có công nghệ sản xuất xe hơi phát triển mạnh.

D. Là một trong những nước có ngành khoa học vũ trụ phát triển.

**Câu 16.** Định hướng phát triển của khoa học - kỹ thuật của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. tập trung vào lĩnh vực sản xuất, ứng dụng dân dụng.

B. tập trung vào phát triển công nghiệp quân sự.

C. tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chinh phục vũ trụ.

D. tập trung vào nghiên cứu khắc phục tình trạng khan hiếm tài nguyên.

**Câu 17.**Nhật Bản trở thành một trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn nhất thế giới từ khi nào ?

A. Những năm 60 của thế kỉ XX.

B. Những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Những năm 80 của thế kỉ XX.

D. Những năm 90 của thế kỉ XX.

**Câu 18.**Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn

A. từ năm 1960 đến năm 1973.

B. từ năm 1973 đến năm 1991.

C. từ năm 1952 đến năm 1960.

D. từ năm 1991 đến năm 2000.

**Câu 19.**Nhận định nào dưới đây **không** đúng với tình hình kinh tế Nhật Bản hiện nay ?

A. Nền nông nghiệp Nhật Bản kém phát triển.

B. Công nghiệp lệ thuộc nguồn nguyên, nhiên liệu nhập khẩu.

C. Bị các nước Tây Âu, Mĩ và các nước công nghiệp mới cạnh tranh kịch liệt.

D. Nghề đánh bắt cá ở Nhật Bản không phát triển.

**Câu 20.**Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kỳ” trong những năm 60 – 70 của thế kỷ XX là gì ?

A. biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

B. biết áp dụng khoa học - kỹ thuật để tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật và hạ giá thành hàng hóa.

C. biết “len lách” xâm nhập thị trường các nước đang phát triển.

D. nhờ những cải cách dân chủ đã thực hiện trong những năm 1945 – 1952.

**Câu 21.** Điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mĩ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào trong sản xuất.

B. quân sự hoá nền kinh tế.

C. chi phí cho quốc phòng thấp.

D. hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.

**Câu 22.**Ngày 8 - 9 - 1951, Nhật Bản kí kết với Mĩ hiệp ước gì?

A. “Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á”.

B. “Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật”.

C. “Hiệp ước liên minh Mĩ - Nhật”.

D. “Hiệp ước chạy đua vũ trang”.

**Câu 23.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Con người năng động, sáng tạo.

B. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.

C. Chi phí quốc phòng thấp.

D. Tận dụng tối đa viện trợ bên ngoài.

**Câu 24.**Nội dung nào **không** phản ánh khó khăn mà Nhật Bản gặp phải sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.

B. Bị các nước Đồng minh xâu xé lãnh thổ.

C. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.

D. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

**Câu 25.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản có khó khăn gì mà các nước tư bản Đồng minh chống phát xít không có?

A. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.

B. Là nước bại trận, mất hết thuộc địa.

C. Thiếu thốn lương thực, thực phẩm.

D. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ.

**Câu 26.**Mốc đánh dấu sự "trở về" Châu Á của Nhật Bản là

A. Học thuyết Tan-na-ca (1973).

B. Học thuyết Phu-cư-đa (1977).

C. Học thuyết Kaiphu (1991).

D. Học thuyết Ko-zu-mi (1998).

**Câu 27.** Nguyên nhân chính khiến Nhật Bản không chi tiêu nhiều cho quốc phòng là

A. nằm trong vùng thường xảy ra thiên tai, động đất, sóng thần.

B. nằm trong “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mĩ.

C. lãnh thổ nhỏ hẹp, tài nguyên khoáng sản không nhiều.

D. dân cư đông nên không cần thiết đầu tư nhiều vào quốc phòng.

**Câu 28.**Sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu trong khoảng thời gian nào?

A Những năm 50 của thế kỉ XX.

B. Những năm 60 của thế kỉ XX.

C. Những năm 70 của thế kỉ XX.

D. Những năm 80 của thế kỉ XX.

**Câu 29.**Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật đạt được:

A. 120 tỉ USD.       B. 161 tỉ USD.

C. 172 tỉ USD.       D. 183 tỉ USD.

**Câu 30.** Nguyên nhân khách quan đưa đến sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.

B. đầu tư phát triển khoa học kĩ thuật.

C. sự viện trợ của Mĩ.

D. đầu tư phát triển con người.

**Câu 31.** Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường số một thế giới về

A. công nghiệp.       B. tài chính.

C. kinh tế.       D. quân sự.

**Câu 32.**Sự phát triển "thần kì của Nhật Bản" được thể hiện rõ nhất ở điểm nào?

A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ hai trên thế giới

B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

C. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX), Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản (cùng với Mĩ, Tây Âu).

D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế.

**Câu 33.** Trong sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác:

A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.

B. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

C. Đầu tư cho quốc phòng thấp để tập trung phát triển kinh tế.

D. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân Nhật Bản.

**Câu 34.** Nguyên nhân khách quan khiến kinh tế Nhật Bản phát triển sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. con người Nhật Bản có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo, cần cù lao động.

B. vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra các chiến lược phát triển.

C. tiến hành các cải cách dân chủ ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. biết tận dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại thế giới.

**Câu 35.** Để phát triển khoa học kĩ thuật, Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

A. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học kĩ thuật.

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

D. Coi trọng việc nhập kĩ thuật hiện đại, mua bằng phát minh của nước ngoài.

**Câu 36.** Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

A. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước công nghiệp mới.

C. Lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.

D. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.

**Câu 37.**Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết nhằm mục đích gì?

A. Nhật Bản muốn lợi dụng vốn và kĩ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.

B. Biến Nhật Bản trở thành căn cứ quân sự duy nhất của Mĩ ở khu vực châu Á.

C. Hình thành một liên minh chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc vùng viễn Đông.

D. Tạo thế cân bằng về lực lượng quân sự giữa Mĩ và Nhật.

**Câu 38.** Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

B. Liên minh chặt chẽ với Mĩ

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

**Câu 39.**Nhật Bản trở thành thành viên của Liên hợp quốc vào năm nào?

A. Năm 1956.          B. Năm 1973.          C. Năm 1977.           D. Năm 1991.

**Câu 40.** Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là

A. Mĩ, Anh, Pháp.

B. Mĩ, Liên Xô, Nhật Bản.

C. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu.

D. Mĩ, Đức, Nhật Bản.

**Câu 41.** GDP giành cho quốc phòng của Nhật Bản chỉ dưới 1% tổng GDP vì

A. nền công nghiệp quốc phòng của Nhật phát triển mạnh mẽ.

B. Nhật đứng dưới “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mĩ.

C. Nhật thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập.

D. Nhật đã có lực lượng quân đội thường trực hùng mạnh.

**Câu 42.** Tháng 8 - 1977, ở Nhật có sự kiện gì thể hiện sự thay đổi trong chính sách ngoại giao?

A. Hiệp ước hòa bình và hữu nghị Nhật -Trung.

B. Học thuyết Kai-phu.

C. Học thuyết Phucađa.

D. Học thuyết Hayatô.

**Câu 43.** Nội dung cơ bản của học thuyết Hasimôtô mà Chính phủ Nhật Bản đưa ra năm 1997 là

A. chú trọng phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

B. tăng cường quan hệ chiến lược với các nước khu vực Đông Bắc Á.

C. tăng cường quan hệ hợp tác với các nước châu Phi và Mĩ Latinh.

D. coi trọng việc hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 44.** Sự kiện đánh dấu sự "trở về" châu Á của Nhật Bản là

A. Hiệp ước hoà bình và hữu nghị Trung- Nhật được kí kết (1978).

B. học thuyết Kai-phu (1991) được đề ra.

C. học thuyết Phu-cư-đa (1977) được đề ra.

D. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kéo dài vĩnh viễn.

**Câu 45.** Hai sự kiện nào sau đây xảy ra trong năm 1956 và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật?

A. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.

B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.

C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ và tây Âu.

D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.

**Câu 46.** Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, về quân sự, Nhật Bản khác với các nước tư bản Tây Âu ở chỗ

A. không tham gia bất kì tổ chức quân sự nào của Mĩ.

B. không sản xuất vũ khí cho Mĩ.

C. không có quân đội thường trực.

D. không có lực lượng phòng vệ.

**Câu 47.** Nguyên nhân chính nào giúp Nhật Bản không chi tiêu nhiều cho chi phí quốc phòng?

A. Nhật nằm trong vùng thường xảy ra thiên tai, động đất, sóng thần.

B. Nhật nằm trong “ô bảo vệ hạt nhân” của Mĩ.

C. Tài nguyên khoáng sản không nhiều, nợ nước ngoài lớn.

D. Dân cư đông không thích hợp đầu tư nhiều vào quốc phòng.

**Câu 48.** Theo Hiến pháp hiện nay, ai là người đứng đầu Chính phủ ở Nhật Bản?

A. Tổng thống.

B. Chủ tịch Quốc hội.

C. Thiên hoàng.

D. Thủ tướng.

**Câu 49.** Việt Nam có thể rút ra bài học gì về sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. Liên minh chặt chẽ với các cường quốc tư bản.

C. Đầu tư phát triển khoa học và chú trọng giáo dục.

D. Giảm chi phí cho quốc phòng để tập trung phát triển kinh tế.

**Câu 50.** Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) có tác động như thế nào đến tình hình Nhật Bản sau khi bước ra khỏi cuộc chiến?

A. Tàn phá nặng nề đất nước Nhật.

B. Giúp Nhật Bản giàu lên nhanh chóng.

C. Mang lại cho Nhật Bản nhiều thuộc địa.

D. Giúp Nhật Bản tăng cường ảnh hưởng.

**Câu 51.** Lực lượng thực hiện cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong những năm 1945–1952 là

A. Chính phủ Nhật Bản

B. Thiên Hoàng

C. Nghị viện Nhật Bản

D. Bộ chỉ huy tối cao lực lượng quân đồng minh

**Câu 52.** Từ năm 1952 đến năm 1973, tình trạng mất cân đối của kinh tế Nhật Bản được biểu hiện như thế nào?

A. Kinh tế chủ yếu phát triển ở ba trung tâm là Tôkiô, Ôxaca và Nagôia, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

B. Chưa giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội.

C. Chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ và Tây Âu.

D. Tồn tại tình trạng phân biệt giàu nghèo, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

**Câu 53.** Nội dung nào sau đây **không** phải là biện pháp khôi phục đất nước của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Nhận viện trợ của Mĩ qua hình thức vay nợ để phát triển.

B. Xây dựng lực lượng quân sự hùng mạnh để đối phó với Trung Quốc.

C. Ban hành Hiến pháp mới và tiến hành nhiều cải cách dân chủ tiến bộ

D. Loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và bộ máy chiến tranh của Nhật Bản.

**Câu 54.** Điểm giống nhau giữa Nhật Bản và bốn “con rồng” kinh tế của châu Á trong thế kỉ XX là

A. đều đẩy mạnh cải cách dân chủ, cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế.

B. không đặt quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

C. không chi nhiều tiền của cho quốc phòng, an ninh

D. không tham gia bất kì liên minh chính trị, quân sự nào

**---------------------------------------------**

**BÀI 10: QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945-2000)**

**Câu 1.** Đặc điểm của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991 là

A. xu thế hòa bình, hợp tác cùng phát triển ngày càng chiếm ưu thế.

B. diễn ra sự đối đầu quyết liệt giữa các nước đế quốc nhằm tranh giành thuộc địa.

C. thế giới trong quá trình hình thành trật tự mới theo xu hướng đa cực.

D. có sự đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 2.** Sự kiện khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh là

A. Mĩ đề ra “Kế hoạch Mácsan” nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu (1947).

B. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949).

C. thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ (1947).

D. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácsava (1955).

**Câu 3.** Nước nào dưới đây **không** phải là một trong những nước đầu tiên kí Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương ?

A. Canađa.          B. Bỉ.

C. Lúcxămbua.       D. Cộng hòa Liên bang Đức.

**Câu 4.** Một trong những nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh là

A sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Xô – Mĩ.

B. mâu thuẫn về vấn đề thị trường giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa.

C. mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước đế quốc.

D. mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa giữa khối tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 5.**Tổ chức Hiệp ước Vácsava (1955) là

A. liên minh kinh tế - chính trị giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

B. liên minh chính trị - quân sự của các nước châu Âu.

C. liên minh kinh tế - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa chủ nghĩa Đông Âu.

D. liên minh chính trị - quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

**Câu 6.**Điều đã **không** xảy ra trong quá trình diễn biến của "Chiến tranh lạnh" là:

A. Có những mâu thuẫn, bất đồng trên lĩnh vực chính trị giữa Liên Xô và Tây Âu.

B. Những mâu thuẫn sâu sắc trên lĩnh vực kinh tế giữa Liên Xô và Tây Âu.

C. Những cuộc chiến tranh cục bộ xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới.

D. Những cuộc xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mĩ.

**Câu 7.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là hệ quả của việc Mĩ thực hiện "Kế hoạch Mácsan" (1947)?

A. Các nước Tây Âu đã từng bước phục hồi kinh tế sau chiến tranh.

B. Mĩ đã thành công trong việc lôi kéo, khống chế các nước tư bản Đồng minh.

C. Các nước Tây Âu từng bước vượt qua được khủng hoảng năng lượng . toàn cầu.

D. Khiến Tây Âu và Đông Âu có sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị.

**Câu 8.**Sự hình thành các liên minh NATO, CENTO, Tổ chức Hiệp ước Vácsava trong những thập niên sau Chiến tranh thế giới thứ hai phản ánh điều gì?

A. Liên kết khu vực đang là một xu thế của thế giới.

B. Nỗ lực của các quốc gia để ngăn chặn một cuộc chiến tranh thế giới mới.

C. Sự đối đầu quyết liệt giữa hai cực trong trật tự Ianta.

D. Chiến lược toàn cầu, xác lập vai trò lãnh đạo thế giới của Mĩ đã thất bại.

**Câu 9.** Nội dung nào phản ánh tình hình thế giới trong thời kì Chiến tranh lạnh?

A. Các nước phát triển và các nước kém phát triển luôn trong tình trạng đối đầu.

B. Các cuộc chiến tranh bằng vũ khí từng bước được hạn chế.

C. Các nước tăng cường chạy đua vũ trang, kho vũ khí hạt nhân ngày càng nhiều.

D. Xu thế hòa hoãn, hòa bình ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới.

**Câu 10.**Chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp (1945 - 1954) và chiến tranh Triều Tiên (1950- 1953) có điểm gì tương đồng?

A. Là những cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới.

B. Là những cuộc chiến tranh chống lại chủ nghĩa thực dân cũ.

C Là những cuộc chiến tranh mà mỗi bên tham chiến đều chịu tác động mạnh mẽ của hai phe : Tư bản chủ nghĩa hoặc Xã hội chủ nghĩa.

D. Là những cuộc chiến tranh của 2 dân tộc chống lại chủ nghĩa thực dân mới, vì mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

**Câu 11.**So với chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953), chiến tranh Việt Nam (1954 – 1975) có điểm gì khác biệt?

A. Không có sự hiện diện trực tiếp của quân đội Mĩ.

B. Diễn ra trong điều kiện một nửa nước đã tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Không chịu tác động của Chiến tranh lạnh và sự đối đầu Đông - Tây.

D. Thống nhất đất nước sau khi chiến tranh kết thúc.

**Câu 12.**Theo Kế hoạch Mácsan (1947), Mĩ sẽ viện trợ cho Tây Âu bao nhiêu tiền để khôi phục kinh tế?

A. 17 tỉ USD.

B. 18 tỉ USD.

C. 70 tỉ USD.

D. 71 tỉ USD.

**Câu 13.** Xu thế hoà hoãn Đông - Tây xuất hiện từ khi nào ?

A. Đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

B. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Đầu những năm 80 của thế kỉ XX.

D. Cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

**Câu 14.**Một trong những biểu hiện của xu thế hoà hoãn Đông - Tây là:

A. Xô - Mĩ đã có những cuộc gặp gỡ, thương lượng về các vấn đề mà cả hai cùng quan tâm.

B. Xô - Mĩ đã trở thành đồng minh chiến lược của nhau trong nhiều vấn đề quốc tế.

C. các nước thực dân chấp nhận trao trả độc lập cho nhiều thuộc địa ở Á - Phi - Mĩ Latinh.

D. các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều nơi trên thế giới diễn ra với quy mô nhỏ hơn.

**Câu 15.**Chiến tranh lạnh chính thức chấm dứt vào thời điểm nào ?

A. Tháng 2/1989.       B. Tháng 12/1991.

C. Tháng 12/1998.       D. Tháng 2/1988.

**Câu 16.**Xô - Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh (1989) do

A. cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ngày càng phát triển mạnh mẽ trên thế giới.

B. cả hai cường quốc đều bị suy giảm thế mạnh về nhiều mặt so với các nước khác.

C. chủ nghĩa xã hội đã sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

D. mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc.

**Câu 17.** Trật tự hai cực Ianta sụp đổ vào thời điểm nào ?

A. Năm 1989.

 B. Năm 1990.

C. Năm 1991.

D. Năm 1992.

**Câu 18.**Chiến tranh lạnh chấm dứt (1989) đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới?

A. Mở ra xu hướng giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột.

B. Khiến các tổ chức chính trị - quân sự trên thế giới đều bị giải thể.

C. Làm cho phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô đều bị thu hẹp.

D. Hình thành một trật tự thế giới mới theo xu hướng đa cực.

**Câu 19.**Chiến tranh lạnh chấm dứt (1989) có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình Đông Nam Á?

A. Khiến các tổ chức liên kết khu vực đứng trước nguy cơ giải thể.

B. Giúp các quốc gia ở Đông Nam Á có điều kiện kiến thiết lại đất nước.

C. Giúp vấn đề Campuchia từng bước được tháo gỡ.

D. Thúc đẩy sự ra đời của tổ chức khu vực Đông Nam Á.

**Câu 20.**Những cơ sở để khẳng định Mĩ khó có thể thiết lập được trật tự thế giới "một cực" ?

A. Phạm vỉ ảnh hưởng của Mĩ sau Chiến tranh lạnh bị thu hẹp.

B. Thế giới đã hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn.

C. Trung Quốc đang vươn lên mạnh mẽ.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 21.**Nguyên thủ hai cường quốc Mĩ và Liên Xô đã gặp nhau tại đâu để cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh?

A.Crưm.        B. Ôđetxa.

C. Manta.        D. Xan Phranxixcô.

**Câu 22.**Tháng 3 – 1947 , Tổng thống của Mĩ Truman đã chính thức phát động cuộc "Chiến tranh lạnh" nhằm mục đích gì ?

A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Giữ vững nền hòa bình, an ninh thế giới sau chiến tranh.

C. Xoa dịu tinh thần đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

D. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ - Latinh.

**Câu 23.**Chiến tranh lạnh là

A. cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.

B. cuộc xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.

C. cuộc chiến tranh giành thị trường và thuộc địa giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa.

D. cuộc chiến tranh giành quyền thống trị thế giới giữa các cường quốc Liên Xô và Mĩ.

**Câu 24.** Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh chống phát xít giữa Liên Xô và Mĩ?

A. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Sự ra đời của "Chủ nghĩa Tơ-ru-man" và "Chiến tranh lạnh" (3 - 1947).

C. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

D. Sự ra đời của khối NATO (9 - 1949).

**Câu 25.**Liên Xô và Mĩ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến "Chiến tranh lạnh" vào thời điểm nào?

A. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc.

**Câu 26.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mưu đồ bao quát của Mĩ là

A. tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La-tinh.

C. tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

D. xác lập vị trí bá chủ duy nhất trên toàn thế giới.

**Câu 27.**Liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là

A. tổ chức NATO.

B. tổ chức SEATO.

C. tổ chức CENTO.

D. tổ chức VÁCSAVA.

**Câu 28.** Bản thông điệp mà Tổng thống Truman gửi Quốc hội Mĩ ngày 12 - 3 - 1947 được xem là sự khởi đầu cho

A. chính sách thực lực của Mĩ sau chiến tranh.

B. mưu đồ làm bá chủ thế giới của Mĩ.

C. cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô.

D. chính sách chống các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 29.**Tại Quốc hội Mĩ ngày 12/3/1947, Tổng thống Truman đã đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho các nước nào để biến những nước này thành căn cứ tiền phương chống Liên Xô và Đông Âu?

A. Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

B. Bỉ và Tây Đức.

C. Áo và Phần Lan.

D. Anh và Pháp.

**Câu 30.**Tháng 6 - 1947 diễn ra sự kiện gì có liên quan đến các nước Tây Âu?

A. Mĩ thành lập khối quân sự NATO.

B. Mĩ thành lập khối CENTO.

C. Mĩ thành lập khối SEATO.

D. Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san".

**Câu 31.** Nước nào dưới đây **không** thuộc trong 11 nước thành lập khối NATO năm 1949?

A. Bồ Đào Nha.

B. Anh.

C. Cộng hòa Liên bang Đức.

D. Hà Lan.

**Câu 32.**Sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa được tạo nên bởi

A. học thuyết Ních-xơn của Mĩ.

B. việc thực hiện "Kế hoạch Mác-san".

C. sự ra đời của khối Hiệp ước Vác-sa-va.

D. sự thành lập khối quân sự NATO.

**Câu 33.** Liên minh chính trị - quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu là

A. Tổ chức Hiệp ước Vácsava.

B. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

C. Liên hợp quốc.

D. Liên minh châu Âu.

**Câu 34.** Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san” (6/1947) nhằm

A. viện trợ kinh tế cho Liên Xô và các nước châu Âu.

B. tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và Đông Âu.

C. mở đầu cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô.

D. thành lập liên minh phòng thủ của các nước tư bản ở khu vực châu Âu.

**Câu 35.** Sau khi cách mạng Trung Quốc thành công (10 - 1949) cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam có những điều kiện thuận lợi gì?

A. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc.

B. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc và các nước châu Á.

D. Buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Việt Nam.

**Câu 36.**Thực dân Pháp buộc phải công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương vào thời gian nào ?

A. Năm 1954.

B. Năm 1951.

C. Năm 1950.

D. Năm 1945.

**Câu 37.** Hiệp định về những cơ sở của quan hệ Đông Đức và Tây Đức được kí kết vào năm

A. 1970.

B. 1971.

C. 1972.

D. 1973.

**Câu 38.**Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược giữa Liên Xô và Mĩ ký vào thời gian nào? gọi tắt là gì?

A. Năm 1972, gọi tắt là SALT-1.

B. Năm 1974, gọi tắt là SALT-2.

C. Năm 1972, gọi tắt là ABM.

D. Năm 1973, gọi tất là ABM.

**Câu 39.**Đầu tháng 8 - 1975, 33 nước châu Âu cùng với những nước nào ký kết Định ước Henxinki?

A. Mĩ và Liên Xô.

B. Mĩ và Pháp.

C. Mĩ và Canađa.

D. Mĩ và Anh.

**Câu 40.** Đầu tháng 12 - 1989 đã diễn ra cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ G. Bush ở đâu?

A. Luân Đôn (Anh).

B. I-an-ta (Liên xô).

C. Man-ta (Địa Trung Hải).

D. Oa-sinh-tơn (Mì).

**Câu 41.**Trong cuộc gặp gỡ không chính thức ở Manta (Địa Trung Hải, 12/1989), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ đã cùng tuyên bố

A. chấm dứt việc chạy đua vũ trang.

B. hạn chế vũ khí hạt nhân hủy diệt.

C. chấm dứt Chiến tranh lạnh.

D. giữ gìn hòa bình, an ninh cho nhân loại.

**Câu 42.** Những năm 1989 – 1991 đã diễn ra sự kiện gì gắn với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

A. Liên Xô và các nước Đông Âu cắt đứt quan hệ với nhau.

B. Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ.

C. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bước vào thời kì ổn định.

D. Chế độ xã hội Chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết bị tan rã.

**Câu 43.**Ngày 28-6- 1991 diễn ra sự kiện gì gắn với các nước xã hội chủ nghĩa?

A. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ.

B. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể.

C. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va tuyên bố chấm dứt hoạt động.

D. Liên Xô tuyên bố cắt đứt quan hệ với các nước Đông Âu.

**Câu 44.**Năm 1991, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến quan hệ quốc tế?

A. Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh.

B. Trật tự hai cực I-an-ta bị xói mòn.

C. Trật tự hai cực I-an-ta bị sụp đổ.

D. Xô - Mĩ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện.

**Câu 45.** Sự khác biệt cơ bản giữa “chiến tranh lạnh” và những cuộc chiến tranh thế giới đã qua

A. Chiến tranh lạnh làm cho thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng

B. Chiến tranh lạnh chỉ diễn ra chủ yếu giữa hai nước Liên Xô và Mĩ

C. Chiến tranh lạnh diễn ra trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mĩ

D. Chiến tranh lạnh diễn ra dai dẳng, giằng co và không phân thắng bại

**Câu 46.** Tình hình thế giới những năm sau Chiến tranh lạnh đã đặt các quốc gia trong tình thế nào?

A. Phải nắm bắt thời cơ.

B. Phải tiến hành chiến tranh để xác lập vị thế của mình.

C. Vừa nắm bắt thời cơ, đẩy lùi thách thức.

D. Hạn chế thách thức và vươn lên.

**Câu 47.** Trong xu thế hòa bình ổn định và hợp tác phát triển, Việt Nam có những thời cơ thuận lợi gì

A. Cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới.

B. Ứng dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.

C. Nâng cao trình độ tập trung vào kêu gọi các nguồn vốn sản xuất.

D. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học - kĩ thuật.

**Câu 48.** Ảnh hưởng của chủ nghĩa li khai, chủ nghĩa khủng bố đến xu thế phát triển của thế giới ngày nay là

A. hình thành sự đối lập giữa chủ nghĩa khủng bố và lực lượng chống khủng bố

B. tình hình an ninh thế giới bất ổn, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế

C. quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nhiều quốc gia bị phá vỡ

D. tạo ra cuộc chạy đua vũ trang mới trên thế giới.

**Câu 49.** Điểm giống nhau giữa hai Chiến tranh lạnh và hai cuộc chiến tranh thế giới đã qua trong thế kỉ XX đã qua là?

A. gây nên thảm họa chiến tranh hạt nhân.

B. để lại hậu quả nghiêm trọng cho nhân loại.

C. diễn ra trên mọi lĩnh vực.

D. diễn ra quyết liệt, không phân thắng bại.

**Câu 50.** Nội dung nào sau đây **không** phải là ảnh hưởng của Chiến tranh lạnh đối với cục diện quan hệ giữa các nước ở châu Á?

A. Gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mĩ.

B. Gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp.

C. Gây ra cuộc chiến tranh Triều Tiên và sự chia cắt hai nhà nước.

D. Gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc của Mĩ.

**Câu 51.** Sự hình thành liên minh tổ chức NATO ở châu Âu, CENTO ở Trung Cận Đông, tổ chức Hiệp ước Vacsava ở Đông Âu,… trong những thập niên sau Chiến tranh thế giới thứ hai phản ánh điều gì?

A. Liên kết khu vực đang là một xu thế của thế giới.

B. Sự đối đầu quyết liệt giữa hai cực trong trật tự Ianta.

C. Chiến lược toàn cầu, xác lập vai trò lãnh đạo thế giới của Mĩ thất bại.

D. Nỗ lực của các quốc gia để ngăn chặn một cuộc chiến tranh thế giới mới.

**Câu 52.** Sự kiện nào sau đây biểu thị cho xung đột quân sự của Cuộc chiến tranh lạnh?

A. Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Chiến tranh vùng vịnh Péc - xích.

C. Các cuộc chiến tranh cục bộ ở Đông Nam Á, Triều Tiên, Trung Đông...

D. Chiến tranh giữa Mĩ và Liên Xô.

**Câu 53.** Chiến tranh lạnh **không** tạo ra

A. những xung đột quyết liệt trên lĩnh vực chính trị giữa Liên Xô và Tây Âu.

B. những đối lập, mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

C. những cuộc xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mỹ.

D. những mâu thuẫn sâu sắc trên lĩnh vực kinh tế giữa Liên Xô và Tây Âu.

**Câu 54.** Sự ra đời của hai tổ chức nào đã đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe và Chiến tranh lạnh bao trùm toàn thế giới?

A. Mĩ đưa ra học thuyết Truman và sự thành lập khối SEV.

B. Sự ra đời của NATO và Tổ chức hiệp ước Vacsava.

C. Sự ra đời của NATO và Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

D. Mĩ thực hiện kế hoạch Macsan và Tổ chức hiệp ước Vacsava.

**Câu 55.** Chiến tranh lạnh được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai **không** xuất phát từ việc

A. các tổ chức kinh tế, quân sự ra đời đối lập và chạy đua với nhau.

B. sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc.

C. sự lo ngại của Mĩ trước sự phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

D. ưu thế về vũ khí hạt nhân, tự cho mình quyền lãnh đạo thế giới của Mĩ.

**Câu 56.** Biểu hiện của Chiến tranh lạnh ở khu vực châu Âu là

A. sự ra đời các tổ chức kinh tế ở châu Âu.

B. sự hình thành hai nhà nước trên lãnh thổ nước Đức.

C. cuộc nội chiến ở Trung Quốc trong ba năm.

D. cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.

**Câu 57.** Sự kiện nào đánh dấu sự tan vỡ mối quan hệ đồng minh chống phát xít giữa Mĩ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự ra đời của khối NATO.

B. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).

C. Sự ra đời của chủ nghĩa “Truman” và “Chiến tranh lạnh” (3/1947).

D. Sự phân chia phạm vi đóng quân giữa Mĩ và Liên Xô.

**Câu 58.** Hiệp định nào sau đây đã góp phần giảm căng thẳng ở châu Âu từ thập niên 70 của thế kỉ XX?

A. Hiệp định hòa bình Xan Phranxixco

B. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ Đông Đức và Tây Đức

C. Định ước Henxinki.

D. Hiệp định đình chiến giữa Đông Đức và Tây Đức.

**Câu 59.** Định ước Henxinki được kí kết giữa 33 nước châu Âu với Mĩ và Canađa (1975) đã tạo ra một cơ chế để giải quyết các vấn đề

A. liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.

B. chống khủng bố ở châu Âu.

C. liên quan kinh tế, tài chính ở châu Âu.

D. văn hóa ở châu Âu.

**Câu 60.** Năm 1972, Mĩ và Liên Xô kí hiệp ước ABM và Hiệp định SALT – 1 nhằm

A. khoanh vùng phạm vi ảnh hưởng của mỗi bên

B. giảm chi phí quân sự trong chạy đua vũ trang

C. chuyển từ thế đối đầu sang thế đối thoại.

D. giảm tình trạng chạy đua vũ trang giữa hai nước.

**Câu 61.** Quan hệ quốc tế từ sau năm 1945 đến năm 1989 trở nên gay gắt và quyết liệt hơn thời kì 1918 – 1939 do

A. sự đối đầu giữa các nước tư bản lớn về vấn đề thuộc địa sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

B. sự tăng lên mâu thuẫn giữa các nước đế quốc vì quyền lợi kinh tế và địa vị chính trị.

C. sự đối đầu giữa hai phe tương ứng với hai hệ tư tưởng tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

D. vũ khí hủy diệt và phương tiện chiến tranh được sản xuất ngày càng nhiều, đe dọa đời sống con người.

**Câu 62.** Nhận định nào sau đây phản ánh đầy đủ mối quan hệ quốc tế trong nửa sau thế kỉ XX?

A. Quy mô toàn cầu của các hoạt động kinh tế, tài chính và chính trị của các quốc gia và các tổ chức quốc tế.

B. Sự tham gia của các nước Á, Phi, Mĩ Latinh mới giành được độc lập vào các hoạt động chính trị quốc tế.

C. Các mối quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng hóa, các quốc gia cùng tồn tại hòa bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác.

D. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ giữa các nước.

**Câu 63.** Nhận định nào sau đây **không** đúng khi nói về sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay?

A. Đang ngày càng tiến triển theo hướng tích cực đạt nhiều kết quả tích cực.

B. Không xuất hiện nguy cơ chiến tranh, hòa bình thế giới được củng cố.

C. Nguy cơ chiến tranh chưa phải đã thực sự chấm dứt trên thế giới.

D. Cần sự góp sức của các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

**Câu 64.** Những vấn đề toàn cầu đang đặt ra hiện nay như môi trường, bệnh tật, xung đột, chiến tranh, ... đã đặt ra yêu cầu gì đối với các nước?

A. Hợp tác cùng nhau giải quyết.

B. Thành lập phe liên minh.

C. Hợp tác với quốc gia mạnh nhất.

D. Thành lập tổ chức bảo vệ hòa bình.

**-----------------------------------------------**

**BÀI 11. CÁCH MẠNG KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ**

**Câu 1.** Một trong những hệ quả của cuộc cách mạng khoa học - kỹ hiện đại là làm xuất hiện xu thế

A. Chiến tranh lạnh.

B. toàn cầu hóa.

C. công nghiệp hóa.

D. hòa bình, hòa hoãn.

**Câu 2.**Cách mạng khoa học - công nghệ bắt đầu từ khi nào ?

A. Những năm 40 của thế kỉ XX.

B. Những năm 50 của thế kỉ XX.

C. Những năm 60 của thế kỉ XX.

D. Những năm 70 của thế kỉ XX.

**Câu 3.**Giai đoạn thứ hai của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại có điểm gì khác biệt so với giai đoạn thứ nhất?

A. Khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật phát triển.

B. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

C. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

D. Công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng.

**Câu 4.** Một trong những thành tựu lớn trong lĩnh vực Sinh học ở thập niên 90 của thế kỉ XX là

A. tìm ra thuyết di truyền.

B. tìm ra thuyết tiến hóa.

C. tìm ra phương pháp sinh sản vô tính.

D. tìm ra thuyết tương đối.

**Câu 5.** Nguồn năng lượng nào được coi là "năng lượng sạch, "chất đốt cao thượng"?

A. Năng lượng nhiệt hạch.

B. Năng lượng mặt trời.

C. Năng lượng thuỷ triều.

D. Năng lượng nguyên tử.

**Câu 6.**Quốc gia mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người là

A. Mĩ.        B. Anh.

C. Trung Quốc.       D. Liên Xô.

**Câu 7.**Quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. Anh.           B. Pháp           C. Mĩ.          D. Liên Xô.

**Câu 8.**Nước đầu tiên trên thế giới xây dựng nhà máy điện nguyên tử là

A. Mĩ.           B. Liên Xô.          C. Anh.          D. Pháp.

**Câu 9.**Sự ra đời của vũ khí hạt nhân đã chứng tỏ :

A. khoa học - kĩ thuật phát triển là yếu tố duy nhất tạo nên sức mạnh quốc phòng của mỗi quốc gia.

B. những thành tựu khoa học - kĩ thuật cũng có thể trở thành mối hiểm họa lớn đối với cuộc sống của con người.

C. con người đã đạt đến đỉnh cao mới về trình độ chinh phục tự nhiên.

D. các loại vũ khí trước đó của con người đã không còn được sử dụng.

**Câu 10.** Đặc điểm điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. các phát minh kĩ thuật diễn ra với tốc độ nhanh chóng.

C. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

D. diễn ra trên nhiều nhiều lĩnh vực với quy mô lớn với tốc độ nhanh.

**Câu 11.**Cách mạng khoa học - kĩ thuật đã làm thay đổi kết cấu lao động ở các nước tư bản phát triển như thế nào ?

A. Lao động trong nông nghiệp tăng lên.

B. Lao động trong ngành công nghiệp tăng lên.

C. Lao động trong các ngành công nghiệp và nông nghiệp tăng lên.

D. Lao động trong các ngành dịch vụ, phi sản xuất vật chất tăng lên.

**Câu 12.**Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại **không** tạo ra hệ quả sau đây?

A. Sự phân bố lại cơ cấu kinh tế, cơ cấu nghề nghiệp.

B. Sự hình thành thị trường dân tộc.

C. Phân công lao động quốc tế diễn ra mạnh mẽ.

D. Người lao động cần có trình độ chuyên môn cao.

**Câu 13.** Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

A. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.

B. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

C. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

D. sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.

**Câu 14.** Xu thế toàn cầu hoá bắt đầu xuất hiện từ

A. đầu những năm 60 của thế kỉ XX.

B. đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

C. đầu những năm 80 của thế kỉ XX.

D. đầu những năm 90 của thế kỉ XX.

**Câu 15.** Đảng ta nhận định như thế nào về tác động của xu thế toàn cầu hoá đối với Việt Nam ?

A. Là một cơ hội lớn để Việt Nam vươn lên, hiện đại hoá đất nước.

B. Là một thách thức lớn đối với các nước kém phát triển trong đó có Việt Nam.

C. Là cơ hội đồng thời là một thách thức lớn đối với sự phát triển của dân tộc.

D. Không có ảnh hưởng gì đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**Câu 16.** Mặt tích cực của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

A. làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động.

B. mở ra khả năng chinh phục vũ trụ của con người.

C. tìm ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, công cụ sản xuất mới.

D. tạo ra những loại vũ khí mới, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp quốc phòng.

**Câu 17.** Biểu hiện nào dưới đây phản ánh đúng xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

A. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

B. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế.

C. Sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế các nước trên thế giới.

D. Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.

**Câu 18.** Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại có điểm gì khác biệt so với cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII?

A. Mọi phát minh đều phục vụ đời sống con người.

B. Có nhiều phát minh lớn cho nhân loại.

C. Kĩ thuật đi trước mở đường cho sản xuất.

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

**Câu 19.** Đặc trưng cơ bản của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là gì?

A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.

B. Cải tiến, hoàn thiện các phương tiện sản xuất.

C. Cải tiến việc quản lí sản xuất.

D. Cải tiến việc phân công lao động.

**Câu 20.** Một trong những nguồn năng lượng mới được tìm ra trong cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. năng lượng điện.

B. năng lượng than đá.

C. năng lượng nước.

D. năng lượng mặt trời.

**Câu 21.** Nguồn gốc sâu xa dẫn đến sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. sự bùng nổ dân số trên thế giới.

B. nhu cầu vật chất và tinh thần của con người.

C. yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.

D. yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

**Câu 22.** Cuộc “cách mạng xanh” diễn ra trong lĩnh vực

A. nông nghiệp.

B. công nghiệp.

C. công nghệ thông tin.

D. giao thông vận tải.

**Câu 23.** Giai đoạn thứ hai của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại được gọi là cách mạng khoa học - công nghệ vì

A. cuộc cách mạng diễn ra trên tất cả các lĩnh vực.

B. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

C. cuộc cách mạng diễn ra trên lĩnh vực công nghệ thông tin.

D. cuộc cách mạng diễn ra chủ yếu trên lĩnh vực công nghệ.

**Câu 24.**Bản đồ gen người được giải mã hoàn chỉnh vào năm

A. 1997.

B. 2000.

C. 2001.

D. 2003.

**Câu 25.** Loại công cụ lao động nào sau đây được xem như “trung tâm thần kinh” kĩ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục?

A “Người máy” (Rô-bốt).

B. Máy tính điện tử.

C. Hệ thống máy tự động.

D. Máy tự động.

**Câu 26.**Một trong những công cụ sản mới được phát minh trong cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. máy hơi nước.       B. máy dệt bằng sức nước.

C. máy tự động.       D. máy bay siêu âm.

**Câu 27.**Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học - kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

A. Phát minh sinh học.

B. Phát minh hoá học.

C. “Cách mạng xanh”.

D. Công cụ lao động mới.

**Câu 28.** Máy tính điện tử đầu tiên ra đời ở nước nào?

A. Mĩ.          B. Nhật.          C. Liên Xô.          D. Anh.

**Câu 29.**Người máy rôbôt lần đầu tiên ra đời ở nước nào?

A.Mĩ.             B. Nhật.             C. Liên Xô.             D. Anh.

**Câu 30.** Cuộc "cách mạng xanh” trong nông nghiệp bắt nguồn từ nước nào?

A. Mĩ.             B. Nhật.             C. Liên Xô.             D. Anh.

**Câu 31.** Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ?

A. Mĩ.             B. Nhật.             C. Liên Xô.             D. Anh.

**Câu 32.**Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại dẫn đến hiện tượng

A. đầu tư vào khoa học cho lãi cao.

B. bùng nổ thông tin.

C. bùng nổ phát minh sáng chế.

D. chảy máu chất xám.

**Câu 33.** Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là

A. tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ.

B. đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.

C. thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

D. sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

**Câu 34.**Một trong những hạn chế của xu thế toàn cầu hóa là

A. tạo nên sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế.

B. đào sâu sự ngăn cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

C. làm thay đổi về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực.

D. đẩy nhanh sự phân hóa về lực lượng sản xuất trong xã hội.

**Câu 35.**Trong cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp vì

A. khoa học là nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.

B. tay nghề của công nhân ngày sàng cao.

C. sản xuất được nhiều sản phẩm hàng hóa.

D. nhà máy là phòng nghiên cứu chính của các nhà khoa học.

**Câu 36.** Giai đoạn thứ nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ những năm 40 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

B. Từ những năm 30 đến những năm 70 của thế kỉ XX.

C. Từ những năm 40 đến những năm 70 của thế kỉ XX.

D. Từ những năm 50 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

**Câu 37.** Giai đoạn thứ hai của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ những năm 70 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

B. Từ những năm 40 đến những năm 80 của thế kỉ XX.

C. Từ sau cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973 đến nay.

D. Từ những năm 80 của thế kỉ XX đến nay.

**Câu 38.**Từ năm 1973 đến nay cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

A. Cách mạng xanh trong nông nghiệp.

B. Cách mạng trắng trong nông nghiệp.

C. Cách mạng công nghiệp.

D. Cách mạng công nghệ.

**Câu 39.** Nội dung nào sau đây **không** phải là thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại?

A. Sự ra đời của hệ thống máy tự động.

B. Sự ra đời của nhiều vật liệu mới, năng lượng mới.

C. Giải mã thành công bản đồ gen người.

D. Chế tạo được máy móc sử dụng sức nước.

**Câu 40.** Nguồn năng lượng nào sau đây **không** phải là nguồn năng lượng mới được tìm ra trong cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại?

A. Năng lượng gió.

B. Năng lượng dầu mỏ.

C. Năng lượng mặt trời.

D. Năng lượng nguyên tử.

**Câu 41.**Những yếu tố nào đã trở thành nguồn gốc sâu xa dẫn tới cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện nay?

A. Yêu cầu của sản xuất và đời sống xã hội.

B. Yêu cầu của chiến tranh và sự gia tăng dân số.

C. Yêu cầu của sự văn minh nhân lọai.

D. Yêu cầu của kĩ thuật và sản xuất.

**Câu 42.**Quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng, tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới được gọi là

A. quá trình công nghiệp hóa.

B. quá trình toàn cầu hóa.

C. quá trình hiện đại hóa.

D. quá trình tư bản hóa.

**Câu 43.** Xét về bản chất, toàn cầu hóa là

A. xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược được, làm cho mọi mặt đời sống của con người kém an toàn hơn

B. kết quả của quá trình tăng tiến mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước

C. quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới

D. sự phát triển nhanh chóng các mối quan hệ thương mại, là sự phụ thuộc lẫn nhau trên phạm vi toàn cầu

**Câu 44.** Bản đồ gen người được công bố vào năm

A. 1991     B. 1997     C. 2000     D. 2003.

**Câu 45.** Sự ra đời của mạng thông tin máy tính toàn cầu (Internet) đã con người sang

A. nền văn minh nông nghiệp.

B. nền văn minh công nghiệp.

C. nền văn minh thông tin.

D. nền văn minh khoa học.

**Câu 46.** Đâu là mặt hạn chế của xu thế toàn cầu hóa?

A. Cơ cấu kinh tế các nước có sự biến chuyển.

B. Đặt ra yêu cầu cải cách để nâng cao sức cạnh tranh

C. Thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất.

D. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

**Câu 47.** Sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế là một trong những biểu hiện của xu thế

A. toàn cầu hóa.

B. đa dạng hóa.

C. hợp tác và đấu tranh.

D. hòa hoãn tạm thời.

**Câu 48.** Các công ty được sáp nhập và hợp nhất thành các tập đoàn lớn, nhất là các công ty khoa học – kĩ thuật nhằm

A. tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

B. giải quyết những vấn đề kinh tế chung của khu vực.

C. tăng cường mối quan hệ phụ thuộc giữa các nước.

D. tăng cường trao đổi thương mại giữa các nước.

**Câu 49.** Để hội nhập với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển của mình bằng cách

A. chính trị.

B. văn hóa.

C. quốc phòng.

D. kinh tế.

**Câu 50.** Toàn cầu hoá là thời cơ với các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng bởi nó

A. thúc đẩy nhanh sự phát triển và xã hội hóa lượng sản xuất.

B. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

C. tạo nên sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ từng nước.

D. thúc đẩy sự hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau của các nước.

**Câu 51.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

C. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, chính trị, quân sự khu vực.

**Câu 52.** Đảng ta nhận định như thế nào về tác động của xu hướng toàn cầu hóa đối với Việt Nam?

A. Xu hướng toàn cầu hóa là cơ hội đồng thời là một thách thức lớn đối với sự phát triển của dân tộc.

B. Xu hướng toàn cầu hóa là một thách thức lớn đối với các nước kém phát triển trong đó có Việt Nam.

C. Xu hướng toàn cầu hóa là một cơ hội lớn để Việt Nam vươn lên, hiện đại hóa đất nước.

D. Xu hướng toàn cầu hóa là không có ảnh hưởng gì đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**Câu 53.** Một trong những thời cơ của Việt Nam khi tham gia xu thế toàn cầu hóa là

A. khai thác được nguồn lực trong nước.

B. có điều kiện tiếp cận khoa học – kĩ thuật hiện đại.

C. tạo điều kiện giữ vững bản sắc dân tộc.

D. thúc đẩy quá trình tăng cường hợp tác quốc tế.

**Câu 54.** Thành tựu nào của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại khiến cho tình hình an ninh thế giới luôn tiềm ẩn dấu hiệu bất ổn?

A. Chế tạo ra vũ khí hạt nhân.

B. Tìm ra bản đồ gen người.

C. Chế tạo ra các loại tàu vũ trụ.

D. Chế tạo ra máy tính điện tử.

**Câu 55.** Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại phát triển qua mấy giai đoạn?

A. hai giai đoạn.

B. ba giai đoạn.

C. bốn giai đoạn.

D. năm giai đoạn.

**Câu 56.** Thách thức lớn nhất mà Việt Nam phải đối mặt khi tham gia xu thế toàn cầu hóa là

A. sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường quốc tế.

B. trình độ của người lao động còn thấp.

C. trình độ quản lí còn thấp.

D. chưa tận dụng tốt nguồn vốn và kĩ thuật từ bên ngoài.

**Câu 57.** Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam khi hội nhập vào nền kinh tế thế giới theo xu thế toàn cầu hóa là

A. am hiểu luật pháp quốc tế.

B. cạnh tranh lành mạnh.

C. giữ vững độc lập chủ quyền

D. bình đẳng trong cạnh tranh.

**Câu 58.** Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

A. Nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài.

B. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.

C. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.

**Câu 59.** Điền vào chỗ (….) cụm từ thích hợp:

Toàn cầu hóa là ….(1), là một thực tế không thể đảo ngược. Toàn cầu hóa là…(2) lịch sử, là cơ hội rất to lớn cho các nước phát triển mạnh mẽ, đồng thời cũng tạo ra những….(3) to lớn.

A. (1) xu thế khách quan, (2) thời cơ, (3) thuận lợi.

B. (1) xu thế chủ quan, (2) thách thức, (3) thuận lợi.

C. (1) xu thế khách quan, (2) thời cơ, (3) thách thức.

D. (1) xu thế chủ quan, (2) thời cơ, (3) thách thức.

**Câu 60.** Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược?

A. Đây là kết quả của việc thu hút nguồn lực bên ngoài của các nước đang phát triển.

B. Các nước tư bản tăng cường đầu tư vốn ra thị trường thế giới.

C. Đây là kết quả của quá trình tăng lên mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.

D. Các cường quốc đẩy mạnh liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu.

**Câu 61.** Để thích nghi với xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam cần phải

A. nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức trong thời kì mới.

B. ứng dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật của thế giới.

C. tận dụng nguồn vốn và kĩ thuật từ bên ngoài để phát triển kinh tế

D. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

**Câu 62.** Tính hai mặt của toàn cầu hoá là

A. tạo cơ hội lớn cho các nước tư bản và xã hội chủ nghĩa

B. vừa tạo ra cơ hội, vừa tạo ra thách thức cho tất cả các nước

C. tạo ra nguy cơ mất bản sắc dân tộc và độc lập chính trị.

D. đặt ra thách thức cho các nước Tư bản và xã hội chủ nghĩa

**Câu 63.** Tổ chức nào dưới đây không phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

A. Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM).

B. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

C. Khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA).

D. Hiệp ước Thương mại tự do Bắc Mĩ (NAFTA).

**Câu 64.** Nội dung nào dưới đây **không** phải là mặt tiêu cực của xu thế toàn cầu hoá

A. Làm cho quan hệ quốc tế trở nên căng thẳng, phức tạp

B. Làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội

C. Đào sâu hố ngăn cách giàu – nghèo trong từng nước và giữa các nước

D. Làm cho mọi hoạt động và đời sống con người kém an toàn

**Câu 65.** Do tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, nhân loại đã bước sang một nền văn minh mới là

A. văn minh thông tin

B. văn minh công nghiệp

C. văn minh thương mại

D. văn minh nông nghiệp

**----------------------------------------**

**BÀI 12. TỔNG KẾT LSTG (1945-2000)**

**Câu 1.** Trật tự thế giới mới được hình thành ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai được gọi là

A. trật tự Véc-xai Oa-sinh-tơn.

B. trật tự thế giới đơn cực.

C. trật tự hai cực Ianta.

D. trật tự thế giới đa cực.

**Câu 2.** Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới khi nào ?

A. Năm 1945.       B. Năm 1947.

C. Năm 1949.       D. Năm 1950.

**Câu 3.** Nhận xét nào là đúng về hệ thống xã hội chủ nghĩa trong thế kỉ XX?

A. Chủ nghĩa xã hội là một lực lượng hùng hậu về kinh tế - quân sự, chi phối mọi hoạt động quốc tế.

B. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành lực lượng tồn tại duy nhất trên thế giới.

C. Trong nhiều thập niên, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành một lực lượng hùng hậu về chính trị - quân sự, kinh tế.

D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã vượt xa hệ thống tư bản chủ nghĩa về kinh tế - khoa học kĩ thuật.

**Câu 4.** Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô tan rã vào năm

A. 1989.

B. 1990.

C. 1991.

D. 1992.

**Câu 5.** Chế độ phân biệt chủng tộc Apácthai ở Nam Phi bị xóa bỏ vào năm

A. 1990.       B. 1991.       C. 1992.       D. 1993.

**Câu 6.**Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ về cơ bản của chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi ?

A. Thắng lợi của cách mạng Libi (1952).

B. Thắng lợi của cách mạng Angiêri (1962).

C. Thắng lợi của cách mạng Ănggôla và Môdămbích (1975).

D. Thắng lợi của cách mạng Nammibia (1990).

**Câu 7.** Trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Mĩ.       B. Tây Âu.

C. Nhật Bản.        D. Liên Xô.

**Câu 8.** Ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới trong thế kỉ XX là

A. Liên Xô, Mĩ và Nhật Bản.

B. Mĩ, Liên Xô và Anh.

C. Mĩ, Nhật Bản và Trung Quốc.

D. Mĩ, Nhật Bản và Tây Âu.

**Câu 9.**Trong những năm 90 của thế kỉ XX, để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế, Nhật Bản đang nỗ lực vươn lên thành một cường quốc về

A. tài chính.

B. chính trị.

C. quân sự.

D. công nghiệp.

**Câu 10.** Chiến tranh lạnh kết thúc vào năm

A. 1985.       B. 1986.

C.1989.       D. 1990.

**Câu 11.** Trung Quốc bắt đầu thực hiện đường lối cải cách - mở cửa từ năm

A. 1978.       B. 1987.

C. 1979.       D. 1982.

**Câu 12.** Nước Cộng hoà Cuba thành lập vào năm

A. 1958.       B. 1959.

C. 1953.       D. 1945.

**Câu 13.** Tổ chức Cộng đồng châu Âu chính thức đổi tên thành Liên minh châu Âu vào:

A. năm 1991.       B. năm 1993.

C. năm 1999.       D. năm 1967.

**Câu 14.** Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. liên minh chặt chẽ với Mĩ.

B. mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

C. phát triển hợp tác với các nước Đông Nam Á.

D. vươn lên trở thành cường quốc chính trị.

**Câu 15.** Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

A. kĩ thuật đi trước mở đường cho khoa học phát triển.

B. kĩ thuật trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ công nghệ.

C. khoa học trở lực lượng sản xuất trực tiếp.

D. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn cuộc sống.

**Câu 16.**Trật tự hai cực Ianta sụp đổ vào thời gian nào ?

A. Năm 1989.         B. Năm 1990.

C. Năm 1988.         D. Năm 1991.

**Câu 17.**Nội dung nào **không** là nhân tố thúc đẩy sự xói mòn của trật tự thế giới hai cực Ianta sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Cuộc Chiến tranh lạnh giữa Mĩ và Liên Xô.

B. Sự ra đời của nhiều quốc gia độc lập trên thế giới.

C. Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước Tây Âu, Nhật Bản.

D. Sự vươn lên của Trung Quốc sau chiến tranh thế giới.

**Câu 18.** Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập vào ngày ?

A. 1/ 1/ 1959.       B. 1/ 11/1950.

C. 1/10/ 1949.       D. 1/11/1949.

**Câu 19.**Sự kiện nào dưới đây được xem là một bước ngoặt mới cho phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô.

B. Thắng lợi của cách mạng Chi-lê.

C. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba.

D. Thắng lợi của cách mạng Pê-ru.

**Câu 20.**Một trong những nước sáng lập tổ chức ASEAN là

A. Việt Nam.      B. Lào.

C. Campuchia.       D. Thái Lan.

**Câu 21.**Phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã

A. làm sụp đổ hệ thống chủ nghĩa đế quốc.

B. dẫn đến sự thay đổi bản đồ chính trị thế giới.

C. khiến chủ nghĩa tư bản không còn là duy nhất trên thế giới.

D. khiến chủ nghĩa xã hội xuất hiện và trở thành hệ thống thế giới.

**Câu 22.**Phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra chủ yếu ở

A. châu Á, châu Phi và châu Âu.

B. châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

C. châu Á, châu Âu và Mĩ Latinh.

D. châu Âu, châu Phi và Mĩ Latinh.

**Câu 23.** Tổ chức liên kết kinh tế - chính trị khu vực lớn nhất hành tinh là

A. Liên hợp quốc.

B. Liên minh châu Âu.

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

**Câu 24.** Quốc gia mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người là

A. Mĩ.

B. Liên Xô.

C. Trung Quốc.

D. Nhật Bản.

**Câu 25.** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai bị chi phối bởi hai cường quốc

A. Mĩ và Trung Quốc.       B. Mĩ và Anh.

C. Mĩ và Đức.        D. Mĩ và Liên Xô.

**Câu 26.** Trong những năm 1946 – 1950, nhân dân Liên Xô đã

A. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

B. tiến hành công cuộc cải tổ đất nước.

C. chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít.

D. tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

**Câu 27.** Thành tựu quan trọng nhất của Liên Xô trong công cuộc xây dựng cơ cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến những năm 70 của thế kỉ XX là

A. phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

B. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.

C. mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

D. đi đầu thế giới trong công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.

**Câu 28.** Quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là

A. Mĩ.

B. Liên Xô.

C. Nhật Bản.

D. Anh.

**Câu 29.**Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng

A. lấy phát triển văn hóa làm trọng điểm.

B. lấy phát triển quân sự làm trọng điểm.

C. lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.

D. lấy phát triển chính trị làm trọng điểm.

**Câu 30.**Xu thế chủ đạo của thế giới sau Chiến tranh lạnh là

A. hòa bình và xung đột.

B. đối đầu căng thẳng.

C. đối đầu và hòa hoãn.

D. hòa bình và ổn định.

**Câu 31.** Nguyên nhân chung có tính chất quyết định đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu:

A. xây dựng một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn.

B. chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.

C. sự tha hoá, biến chất của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

D. do hoạt động chống phá của các thế lực phản cách mạng.

**Câu 32.**Năm 1949 gắn liền với sự kiện nào dưới đây?

A. Khối NATO được thành lập.

B. Khối Vác-sa-va ra đời.

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập.

D. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất.

**Câu 33.**Năm 1978 gắn liền với sự kiện nổi bật nào ở Trung Quốc?

A. Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

B. Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách – mở cửa.

C. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập.

D. Trung Quốc trở thành thành viên của Liên hợp quốc.

**Câu 34.** Công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc bắt đầu vào năm nào?

A. Năm 1968.       B. Năm 1978.

C. Năm 1987.       D. Năm 1988.

**Câu 35.**Sau khi giành được độc lập (1945), nước Lào xây dựng đất nước theo con đường

A. tư bản chủ nghĩa.

B. xã hội chủ nghĩa.

C. quân chủ chuyên chế.

D. quân chủ lập hiến.

**Câu 36.** Liên minh chính trị - quân sự do Mĩ cầm đầu ở Đông Nam Á là

A. khối NATO.        B. khối SEATO.

C. tổ chức ASEAN.        D. tổ chức EU.

**Câu 37.** Đặc điểm của quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991 là

A. xu thế hòa bình, hợp tác cùng phát triển ngày càng chiếm ưu thế.

B. diễn ra sự đối đầu quyết liệt giữa các nước đế quốc nhằm tranh giành thuộc địa.

C. thế giới trong quá trình hình thành trật tự mới theo xu hướng đa cực.

D. có sự đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 38.** Nước nào ở châu Á tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa vào ngày 26-1-1950?

A.Lào.       B. Campuchia.

C. In-đô-nê-xi-a.       D. Ấn Độ.

**Câu 39.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là “lục địa mới trỗi dậy”?

A. Châu Á.       B. Mĩ La-tinh.

C. Châu Âu.       D. Châu Phi.

**Câu 40.**Năm 1960 được coi là năm châu Phi vì

A. có 16 nước châu Phi được trao trả độc lập.

B. có 17 nước châu Phi được trao trả độc lập.

C. có 18 nước châu Phi được trao trả độc lập.

D. có 19 nước châu Phi được trao trả độc lập.

**Câu 41.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp là đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở

A. châu Á.

B. châu Phi.

C. Mĩ La-tinh.

D. châu Âu.

**Câu 42.**Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực nào được mệnh danh là “lục địa bùng cháy”?

A. Châu Âu.        B. Châu Á.  C. Châu Phi        D. Mĩ Latinh.

**Câu 43.**Nước nào ở Mĩ Latinh được xem là “lá cờ đầu” trong phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai ở khu vực này?

A. Mê-hi-cô.       B. Ác-hen-ti-na.

C. Cu-ba.       D. Chi-lê.

**Câu 44.** Đặc điểm chung của Mĩ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật.

B. áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

C. đầu tư chủ yếu vào nông nghiệp.

D. thực hiện quân sự hoá nền kinh tế.

**Câu 45.** Quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế “thần kì” trong những năm 60 của thế kỉ XX là

A. Mĩ.          B. Pháp.          C. Anh.          D. Nhật Bản.

**Câu 46.** Trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A .Mĩ.          B. Tây Đức.          C. Liên Xô.          D. Nhật Bản.

**Câu 47.**Quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng, tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới được gọi là

A. quá trình công nghiệp hóa.

B. quá trình toàn cầu hóa.

C. quá trình hiện đại hóa.

D. quá trình tư bản hóa.

**Câu 48.**Toàn cầu hoá là thời cơ với các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng bởi nó

A. thúc đẩy nhanh sự phát triển và xã hội hóa lượng sản xuất.

B. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

C. tạo nên sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ từng nước.

D. thúc đẩy sự hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau của các nước.

**Câu 49.** Chiến tranh lạnh chấm dứt (1989) đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới?

A. Mở ra xu hướng giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột.

B. Khiến các tổ chức chính trị - quân sự trên thế giới đều bị giải thể.

C. Làm cho phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô đều bị thu hẹp.

D. Hình thành một trật tự thế giới mới theo xu hướng đa cực.

**Câu 50.**Một trong những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta là

A. đàm phán, kí kết các hiệp ước với các nước phát xít bại trận.

B. thỏa thuận việc giải giáp phát xít Nhật ở Đông Dương.

C. thỏa thuận phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

D. các nước phát xít Đức, Italia kí văn kiện đầu hàng phe Đồng minh.

**Câu 51.**Ba nước tư bản giữ vai trò thường trực trong Hội đồng bảo an Liên hợp quốc là

A. Mĩ, Anh, Đức.

B. Mĩ, Anh, Nhật.

C. Mĩ, Anh, Pháp.

D. Mĩ, Pháp, Tây Ban Nha.

**Câu 52.**Duy trì hòa bình và an ninh thế giới là nhiệm vụ chính của

A. Liên minh châu Âu

B. Hội nghị I-an-ta.

C. tổ chức ASEAN.

D. Liên hợp quốc.

**Câu 53.** Một trong những hệ quả của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là làm xuất hiện xu thế

A. công nghiệp hóa.

B. hiện đại hóa.

C. hòa hoãn quốc tế.

D. toàn cầu hóa.

--------------------------------------------------------

(HẾT)